

Số: **8711**/BKHT-QLĐT

V/v thẩm định Hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật Đấu thầu (sửa đổi)

Hà Nội, ngày **10** tháng 12 năm 2021



Kính gửi: Bộ Tư pháp

Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2021 về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã tổ chức nghiên cứu, hoàn thiện Hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật Đấu thầu (sửa đổi).

Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin gửi Bộ Tư pháp Hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật Đấu thầu (sửa đổi) theo quy định tại Điều 39 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật để tổ chức thẩm định, bao gồm: (1) Dự thảo Tờ trình đề nghị xây dựng dự án Luật Đấu thầu (sửa đổi); (2) Dự thảo Báo cáo đánh giá tác động chính sách; (3) Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật Đấu thầu; (4) Dự thảo Đề cương Luật Đấu thầu (sửa đổi); (5) Bảng tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý cho Hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật Đấu thầu (sửa đổi), kèm theo bản chụp các văn bản góp ý.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư dự kiến trình Chính phủ Đề nghị xây dựng dự án Luật Đấu thầu (sửa đổi) trong tháng 12 năm 2021. Do đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư rất mong nhận được sự phối hợp, hỗ trợ của Bộ Tư pháp trong quá trình tổ chức thẩm định, nhằm kịp thời hoàn thiện hồ sơ, trình Chính phủ xem xét, quyết định.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Bộ. *W*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Vụ Pháp chế;
- Lưu: VT, QLĐT (HC).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Quốc Phương

Số: /TTr-BKHĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2021

TỜ TRÌNH

Đề nghị xây dựng dự án Luật Đấu thầu (sửa đổi)

DỰ THẢO
ngày
09/12/2021

Kính gửi: Chính phủ

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung năm 2020) và thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021, Bộ Kế hoạch và Đầu tư kính trình Chính phủ xem xét, thông qua Đề nghị xây dựng dự án Luật Đấu thầu (sửa đổi) với những nội dung sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT ĐẤU THẦU (SỬA ĐỔI)

Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 (sau đây gọi chung là Luật Đấu thầu) được Quốc hội Khóa XIII thông qua tại Kỳ họp thứ VI, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2014. Việc ban hành và thực hiện Luật này cùng với các Luật có liên quan đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng điều chỉnh hoạt động mua sắm, quản lý sử dụng vốn, tài sản của nhà nước, góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư, mua sắm bằng nguồn ngân sách nhà nước. Trong những năm qua, tỷ lệ tiết kiệm thông qua đấu thầu luôn được duy trì ổn định, tỷ trọng các gói thầu áp dụng các hình thức kém cạnh tranh (như chỉ định thầu, đấu thầu hạn chế) ngày càng giảm.

Bên cạnh đó, Luật Đấu thầu đã tạo cơ sở pháp lý cho việc đẩy mạnh hoạt động đấu thầu qua mạng, tạo chuyển biến toàn diện trong công tác đấu thầu, đảm bảo yêu cầu công khai, minh bạch, cạnh tranh và hiệu quả kinh tế trong hoạt động đấu thầu, tạo niềm tin cho các cơ quan, đơn vị trong quá trình triển khai hoạt động đấu thầu. Tỷ lệ thực hiện đấu thầu qua mạng trong những năm qua luôn đạt và vượt chỉ tiêu đã được Chính phủ thông qua.

Tuy nhiên, thực tiễn thi hành Luật Đấu thầu trong thời gian qua cũng đặt ra yêu cầu cấp thiết cần phải sửa đổi toàn diện Luật này bởi những lý do chủ yếu như sau:

Một là, quá trình triển khai thi hành Luật Đấu thầu đã phát sinh một số hoạt động mua sắm, đấu thầu lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư nhưng chưa được Luật này quy định hoặc quy định chưa đầy đủ để đáp ứng yêu cầu phát triển

kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư và đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước (như chưa có quy định cụ thể, đầy đủ về lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật xã hội hoá, lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án có từ 02 nhà đầu tư quan tâm...).

Bên cạnh đó, sau khi Luật Đấu thầu được ban hành, một số Luật liên quan¹ đã sửa đổi, bổ sung và/hoặc có quy định khác với Luật Đấu thầu. Quy định về khái niệm doanh nghiệp nhà nước được sửa đổi tại Luật Doanh nghiệp năm 2020 cũng như quy trình, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư dự án có sử dụng đất được tích hợp trong quá trình thực hiện dự án đầu tư theo quy định mới của Luật Đầu tư năm 2020 cũng đặt ra yêu cầu phải tiếp tục hoàn thiện một số quy định của Luật Đấu thầu nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, tránh mâu thuẫn, xung đột trong quá trình thi hành Luật này.

Hai là, một số quy định của Luật Đấu thầu đã phát sinh vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện; cụ thể là:

- Hạn mức chỉ định thầu còn ở mức cao so với thông lệ quốc tế cũng như quy định của WB, ADB dẫn đến số lượng gói thầu áp dụng chỉ định thầu vẫn chiếm số lượng lớn (khoảng 70% tổng số gói thầu).

- Luật Đấu thầu đã có quy định về lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt khi gói thầu xuất hiện các yếu tố đặc thù, riêng biệt mà không thể áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu khác (như đấu thầu, chỉ định thầu, chào hàng cạnh tranh...), nhưng chưa quy định trình tự, thủ tục xây dựng phương án, trình, thẩm định, phê duyệt, dẫn đến áp dụng không thống nhất trong quá trình thực hiện.

- Quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu chưa làm rõ các tiêu chí, nguyên tắc, thời điểm xác định tính độc lập về pháp lý, tài chính giữa các chủ thể tham gia vào hoạt động đấu thầu (như nhà thầu, nhà thầu tư vấn, chủ đầu tư, bên mời thầu...).

- Quy định về việc giao toàn quyền cho chủ đầu tư phê duyệt hồ sơ mời thầu dẫn đến tình trạng một số chủ đầu tư áp đặt các tiêu chí đánh giá không phù hợp trong hồ sơ mời thầu nhằm hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu.

- Quy định về hợp đồng cũng như các nội dung và nguyên tắc điều chỉnh hợp đồng còn sơ sài, chưa bao quát hết các nội dung cần thiết phải thỏa thuận giữa chủ đầu tư và nhà thầu trong việc thực hiện gói thầu.

- Quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư mặc dù đã được đơn giản hóa nhưng trong một số trường hợp vẫn chưa thật sự tạo thuận lợi cho hoạt

¹ Luật Xây dựng, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Luật Kiến trúc, Luật PPP...

động đấu thầu, nhất là khi phải lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư để thực hiện các dự án quan trọng, cấp bách hoặc mua sắm để phục vụ công tác phòng, chống, dịch bệnh, thiên tai...

- Đấu thầu qua mạng đã được áp dụng rộng rãi tại Việt Nam nhưng mới chỉ có các quy định mang tính nguyên tắc trong Luật; quy trình, thủ tục được giao cho Chính phủ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn chi tiết nên chưa bảo đảm hiệu lực pháp lý cao, thống nhất.

Ba là, Luật Đấu thầu chưa quy định đầy đủ nhằm khuyến khích sản xuất hàng hóa trong nước thay thế hàng hóa nhập khẩu; ưu đãi đối với hàng hóa sản xuất trong nước; mua sắm hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ được cung cấp từ các nhóm yếu thế trong xã hội; ưu đãi cho doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ; mua sắm các sản phẩm đổi mới sáng tạo; mua sắm xanh nhằm mục tiêu phát triển bền vững...

Bốn là, các quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động đấu thầu và việc thi hành pháp luật đấu thầu còn một số mặt hạn chế sau đây:

- Hành vi “thông thầu” vẫn diễn biến phức tạp, tinh vi; năng lực, kinh nghiệm của một số người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu chưa đáp ứng yêu cầu; còn có tình trạng đùn đẩy trách nhiệm cho cấp trên, các Bộ và Thủ tướng Chính phủ mặc dù đã được Luật phân cấp.

- Luật chưa quy định đầy đủ về quy trình kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm, đặc biệt là công tác kiểm tra kết quả thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra, giám sát và mới chỉ tập trung quy định về chế tài xử lý đối với các hành vi vi phạm của nhà thầu, nhà đầu tư mà chưa có chế tài xử lý vi phạm đối với bên mời thầu, chủ đầu tư, người có thẩm quyền (là các bên quan trọng trong việc quyết định đến tính hiệu quả, minh bạch trong đấu thầu).

- Luật cũng chưa có quy định về chế tài xử lý đối với trường hợp các cơ quan có thẩm quyền buông lỏng việc kiểm tra, giám sát, giải quyết kiến nghị trong đấu thầu dẫn đến hiệu quả của việc thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, giải quyết kiến nghị về đấu thầu trong thời gian qua chưa đạt hiệu quả.

- Tính độc lập, khách quan của cơ chế giải quyết kiến nghị trong hoạt động đấu thầu chưa thật sự bảo đảm, dẫn đến xử lý kém hiệu quả các kiến nghị của nhà thầu và các bên liên quan trong quá trình hoạt động đấu thầu.

Năm là, hiện nay Việt Nam đã ký kết, tham gia 15 Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, trong đó có 03 Hiệp định² cam kết mở cửa thị trường mua sắm công. Do đó, việc sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Luật Đấu thầu là yêu cầu

² Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Vương quốc Anh (UKVFTA), Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA)

cấp bách để bảo đảm thực thi đầy đủ và có hiệu quả cam kết của Việt Nam về mở cửa thị trường mua sắm công theo các Hiệp định nêu trên.

(xin trình kèm theo Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thi hành Luật Đấu thầu).

II. MỤC TIÊU, QUAN ĐIỂM, YÊU CẦU XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT ĐẤU THẦU (SỬA ĐỔI)

1. Mục tiêu xây dựng dự án Luật Đấu thầu (sửa đổi)

a) Tiếp tục tạo dựng môi trường pháp lý đầy đủ, đồng bộ, thống nhất về đấu thầu, mua sắm sử dụng nguồn vốn nhà nước;

b) Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Luật, nâng cao chất lượng, hiệu quả và bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch của công tác đấu thầu, góp phần hạn chế tình trạng tiêu cực, tham nhũng, lãng phí; cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp thông qua hoạt động đấu thầu;

c) Góp phần hỗ trợ sản xuất trong nước, tạo việc làm cho nhóm lao động yếu thế; thúc đẩy hoạt động mua sắm các sản phẩm đổi mới sáng tạo, mua sắm xanh nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững thông qua hoạt động đấu thầu;

d) Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đấu thầu và cơ chế kiểm tra, giám sát, giải quyết kiến nghị trong hoạt động đấu thầu.

2. Quan điểm, yêu cầu xây dựng dự án Luật Đấu thầu (sửa đổi)

a) Thể chế hóa chủ trương, quan điểm của Đảng, Chính phủ³ về hoàn thiện hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, thống nhất; tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng cho mọi thành phần kinh tế; huy động, quản lý và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực thông qua đấu thầu; thúc đẩy đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học và công nghệ;

b) Bảo đảm phù hợp với cam kết của Việt Nam về mở cửa thị trường mua sắm công; tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm của các nước trong khu vực và

³ - Nghị quyết của Đại hội Đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XIII về định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 – 2030

- Chỉ thị số 03-CT-TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Cuộc vận động “Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”

- Kết luận số 07-KL/TW ngày 11/6/2021 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm tăng cường công tác phòng, chống dịch Covid-19 và phát triển kinh tế - xã hội.

- Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV

- Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021

trên thế giới cũng như thông lệ quốc tế tốt nhất trong tổ chức và quản lý hoạt động đấu thầu.

III. QUÁ TRÌNH LẬP ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG LUẬT ĐẤU THẦU (SỬA ĐỔI)

1. Theo Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 và Chương trình công tác của Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư được Chính phủ giao nhiệm vụ nghiên cứu, xây dựng dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu.

2. Để có cơ sở xây dựng dự án Luật này, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản số 788/BKHĐT-QLĐT ngày 09 tháng 02 năm 2021 gửi các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, hiệp hội nhà thầu... đề nghị có ý kiến, đánh giá tình hình thực hiện Luật Đấu thầu.

Trong quá trình góp ý hoàn thiện Báo cáo tổng kết thi hành Luật, đa số ý kiến cho rằng, với phạm vi, quy mô sửa đổi, bổ sung lớn (*như được trình bày cụ thể tại Phần IV dưới đây*), nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và giải quyết được các tồn tại, hạn chế của Luật Đấu thầu thì cần sửa đổi toàn diện Luật Đấu thầu thay vì chỉ sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật này.

3. Trên cơ sở báo cáo tình hình thực hiện công tác đấu thầu và ý kiến tổng kết, đánh giá thi hành Luật Đấu thầu của các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, hiệp hội..., Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã lập Hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật Đấu thầu (sửa đổi).

4. Ngày.../.../2021, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có văn bản số/BKHĐT-QLĐT gửi các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và một số Hiệp hội đề nghị góp ý cho các dự thảo hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật Đấu thầu (sửa đổi).

Hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật đã được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia để lấy ý kiến rộng rãi của các đối tượng quan tâm.

5. Trên cơ sở ý kiến góp ý của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và một số Hiệp hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã nghiên cứu, tiếp thu, hoàn chỉnh Hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật Đấu thầu (sửa đổi) và có văn bản số/BKHĐT-QLĐT ngày .../.../2021 gửi Bộ Tư pháp để thẩm định.

6. Ngày....., Bộ Tư pháp đã tổ chức cuộc họp của Hội đồng tư vấn thẩm định để tiến hành thẩm định Đề nghị xây dựng dự án Luật và ngày.../.../2021, Bộ Tư pháp đã có văn bản thẩm định số

7. Trên cơ sở ý kiến góp ý của các cơ quan, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Luật Đấu thầu (sửa đổi) trình Chính phủ.

IV. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1: Xác định rõ phạm vi điều chỉnh, nguyên tắc áp dụng Luật Đấu thầu, các Luật có liên quan và điều ước, thỏa thuận quốc tế về ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ

1.1. Mục tiêu của chính sách:

- Bảo đảm quản lý thống nhất các hoạt động đấu thầu sử dụng nguồn vốn nhà nước, vốn của doanh nghiệp nhà nước;
- Bảo đảm tính khả thi, thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật về đấu thầu.

1.2. Nội dung và giải pháp thực hiện chính sách:

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 1 Luật Đấu thầu để mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật theo hướng bổ sung hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án đầu tư kinh doanh, gồm: dự án phải tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật xã hội hoá, dự án có từ 02 nhà đầu tư quan tâm thực hiện dự án.

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 2 Luật Đấu thầu để điều chỉnh hoạt động đấu thầu đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo hướng: (i) đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, việc tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn đầu tư vào sản xuất – kinh doanh của doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước; (ii) đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết thì việc lựa chọn nhà thầu phải tuân thủ theo quy định của Luật Đấu thầu đối với các dự án sử dụng từ 30% vốn nhà nước trở lên trong tổng mức đầu tư của dự án; (iii) bổ sung quy định về cách xác định phần vốn nhà nước, vốn của doanh nghiệp nhà nước trong các dự án đầu tư phát triển.

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại các Điều 3 Luật Đấu thầu về nguyên tắc áp dụng Luật Đấu thầu, các Luật có liên quan và điều ước, thỏa thuận quốc tế về ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ theo hướng: (i) hoạt động đấu thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu phải tuân thủ quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan; trường hợp pháp luật liên quan có quy định về các trường hợp lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư thì thực hiện theo

quy định của pháp luật có liên quan đó nhưng phải bảo đảm không trái với quy định của Luật Đấu thầu; (ii) việc lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư đối với dự án có sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ thực hiện theo quy định của Hiệp định vay, trường hợp Hiệp định vay không quy định cụ thể về hoạt động lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư thì việc lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu.

1.3. Lý do lựa chọn giải pháp:

- Luật Đấu thầu chỉ có quy định về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất, chưa quy định về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo pháp luật chuyên ngành, pháp luật xã hội hóa và lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp có từ 02 nhà đầu tư trở lên quan tâm thực hiện dự án. Trong khi đó, pháp luật chuyên ngành, pháp luật xã hội hóa lại dẫn chiếu áp dụng quy định của Luật Đấu thầu để lựa chọn nhà đầu tư trong các trường hợp nêu trên. Điều này tạo ra khoảng trống pháp luật, gây ách tắc quá trình thực hiện thủ tục đầu tư.

Bên cạnh đó, các quy định về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất tại Luật Đấu thầu chỉ mang tính nguyên tắc, điều kiện, trình tự, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư được quy định tại các Nghị định của Chính phủ và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong đó thủ tục lập, phê duyệt, công bố danh mục dự án đã được tích hợp trong quá trình thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định mới của Luật Đầu tư năm 2020. Với những lý do đó, việc bổ sung một số hoạt động đấu thầu nêu trên vào phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu sẽ tạo cơ sở pháp lý cho việc tổ chức lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật về xã hội hóa và lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp có từ 02 nhà đầu tư trở lên quan tâm thực hiện dự án, đồng thời nâng cao hiệu lực pháp lý của các quy định về lựa chọn nhà đầu tư, bảo đảm tính khả thi, thống nhất, đồng bộ của pháp luật về đấu thầu, đầu tư, đất đai và pháp luật liên quan.

- Việc bổ sung quy định về đấu thầu đối với từng loại hình doanh nghiệp Nhà nước tạo sự chủ động cho doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, đồng thời vẫn bảo đảm được trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc chi tiêu có hiệu quả nguồn vốn Nhà nước, vốn của doanh nghiệp Nhà nước. Bên cạnh đó, việc bổ sung quy định về cách xác định phần vốn nhà nước, vốn của doanh nghiệp nhà nước trong các dự án đầu tư phát triển sẽ giúp cho việc xác định dự án có thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu hay không được dễ dàng, thuận tiện.

- Việc bổ sung nguyên tắc áp dụng Luật Đấu thầu, các Luật có liên quan và điều ước, thỏa thuận quốc tế về ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ sẽ tạo sự áp dụng đồng bộ, thống nhất quy định của pháp luật về hoạt động lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; bảo đảm việc quy định về hoạt động lựa chọn nhà

thầu, nhà đầu tư trong các pháp luật chuyên ngành (nếu có) sẽ không trái với quy định của Luật Đấu thầu.

2. Chính sách 2: Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác đấu thầu, bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch trong hoạt động đấu thầu

2.1. Mục tiêu của chính sách:

- Hoàn thiện các quy định về hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư nhằm bảo đảm tính khả thi, hiệu lực, hiệu quả thực chất của hoạt động đấu thầu;

- Bảo đảm tính cạnh tranh giữa các chủ thể tham gia trực tiếp vào quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư;

- Bảo đảm việc quản lý chi phí trong quá trình thực hiện hợp đồng phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật chuyên ngành.

2.2. Nội dung và giải pháp thực hiện chính sách

a) Về các hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu:

- Sửa đổi, bổ sung các Điều 20, 21, 22, 23, 24, 24 Luật Đấu thầu theo hướng quy định cụ thể hơn từng hình thức lựa chọn nhà thầu, điều kiện áp dụng, đặc biệt là hình thức chỉ định thầu, trong đó cần cụ thể hóa những quy định mang tính nguyên tắc trong Luật để hạn chế việc áp dụng hình thức này, đồng thời tăng cường áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu có tính cạnh tranh cao (như: chào hành cạnh tranh, đấu thầu rộng rãi...); quy định cụ thể hơn về điều kiện áp dụng và quy trình thực hiện đối với hình thức mua sắm trực tiếp, tự thực hiện.

- Sửa đổi, bổ sung nội dung tại Điều 26 Luật Đấu thầu theo hướng quy định về nguyên tắc áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt, thẩm quyền quyết định áp dụng, trình tự, thủ tục thực hiện.

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 44 Luật Đấu thầu theo hướng cho phép áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu khác để tận dụng lợi thế về mua sắm với quy mô lớn thay vì chỉ áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi đối với mua sắm tập trung.

- Sửa đổi, bổ sung các Điều 28, 29, 30, 31 về phương thức lựa chọn nhà thầu theo hướng quy định cụ thể, chi tiết, khoa học hơn về điều kiện áp dụng, quy trình chung đối với từng phương thức, đặc biệt là bổ sung quy định không áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ tràn lan như hiện nay.

b) Về phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu áp dụng trong lựa chọn nhà đầu tư:

- Sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Đấu thầu về phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu trong lựa chọn nhà đầu tư theo hướng hoàn thiện phương pháp lợi ích xã hội, lợi ích nhà nước nhằm gia tăng tính cạnh tranh trong lựa chọn nhà đầu tư, mang lại hiệu quả tối đa cho Nhà nước về mặt kinh tế cũng như xã hội; đồng thời lược bỏ phương pháp đánh giá dựa trên giá dịch vụ và phương pháp đánh giá dựa trên phần vốn góp của Nhà nước (do các phương pháp này chỉ phù hợp với dự án đầu tư PPP và hiện đã được quy định trong Luật PPP).

c) Về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu:

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 6 Luật Đấu thầu về bảo đảm cạnh tranh theo hướng không chỉ áp dụng giữa tổ chức với tổ chức mà còn áp dụng giữa cá nhân (là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu) với nhà thầu, chủ đầu tư, bên mời thầu nhằm bảo đảm bình đẳng trong đấu thầu; bổ sung quy định về thời điểm xác định tính độc lập về pháp lý, độc lập về tài chính giữa các chủ thể tham gia trực tiếp vào hoạt động lựa chọn nhà thầu.

- Bổ sung quy định về bảo đảm cạnh tranh đối với trường hợp nhà thầu là doanh nghiệp đại chúng đã niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán.

d) Về hình thức và nội dung hợp đồng áp dụng trong lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư:

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại các Điều 62, 63, 64, 65, 66, 67 Luật Đấu thầu theo hướng: (i) chủ đầu tư, người có thẩm quyền căn cứ quy mô, tính chất, điều kiện cụ thể của từng gói thầu để quyết định áp dụng từng loại hợp đồng phù hợp; quy định cụ thể, tách bạch giữa các trường hợp điều chỉnh hợp đồng và điều chỉnh giá hợp đồng; bổ sung các quy định khác liên quan của hợp đồng như tạm ứng, thanh toán, nghiệm thu, thanh lý, trách nhiệm của các bên tham gia hợp đồng...

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72 Luật Đấu thầu về hợp đồng áp dụng trong lựa chọn nhà đầu tư theo hướng luật hóa quy định đã được áp dụng ổn định tại Nghị định đối với dự án đầu tư có sử dụng đất; đồng thời bổ sung một số quy định về: (i) nguyên tắc, trường hợp điều chỉnh hợp đồng, bảo đảm đồng bộ với quy định điều chỉnh dự án đầu tư theo pháp luật về đầu tư; (ii) hình thức, nội dung văn bản thỏa thuận/hợp đồng nguyên tắc đối với dự án phải đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật về xã hội hóa.

2.3. Lý do lựa chọn giải pháp:

a) Về các hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu:

- Việc quy định cụ thể về các hình thức lựa chọn nhà thầu, đặc biệt là hình thức chỉ định thầu sẽ góp phần tăng cường áp dụng đấu thầu rộng rãi, chào hàng

cạnh tranh, hạn chế tình trạng “xin-cho” trong chỉ định thầu, nâng cao tính cạnh tranh trong đấu thầu. Đối với hình thức mua sắm trực tiếp, tự thực hiện, việc quy định cụ thể hơn về điều kiện áp dụng và quy trình thực hiện sẽ góp phần nâng cao hiệu quả mua sắm khi áp dụng các hình thức này, đồng thời hạn chế việc lạm dụng hình thức mua sắm trực tiếp, tự thực hiện như là hình thức “biến tướng” của chỉ định thầu.

- Việc sửa đổi, bổ sung quy định về lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt sẽ góp phần phân định rõ hơn nữa trách nhiệm của người có thẩm quyền, Thủ tướng Chính phủ trong việc lập, tổ chức thẩm định, phê duyệt phương án lựa chọn nhà thầu; giúp cho quy trình lựa chọn nhà thầu được minh bạch, thuận lợi, tránh áp dụng tùy tiện; khắc phục tình trạng gói thầu đủ điều kiện để tổ chức đấu thầu rộng rãi hoặc chỉ định thầu nhưng người có thẩm quyền vẫn dồn đẩy trách nhiệm lên Thủ tướng Chính phủ thông qua việc đề xuất áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt.

- Đối với mua sắm tập trung, Luật Đấu thầu hiện hành quy định khi mua sắm tập trung phải tiến hành đấu thầu rộng rãi. Tuy nhiên, trong thực tế, ngoài việc áp dụng đấu thầu rộng rãi (là hình thức chủ yếu) thì trong một số trường hợp có thể áp dụng đấu thầu hạn chế, mua sắm trực tiếp để có thể lựa chọn được ngay các nhà thầu có năng lực, uy tín hoặc mua sắm được ngay các hàng hóa có chất lượng tốt, giá cả cạnh tranh, từ đó nâng cao hơn nữa hiệu quả của mua sắm tập trung.

- Đối với quy định về phương thức lựa chọn nhà thầu, Luật Đấu thầu hiện hành quy định các gói thầu xây lắp, mua sắm hàng hóa, phi tư vấn không phải quy mô nhỏ phải áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ. Tuy nhiên, trong thực tế xuất hiện một số chủ đầu tư lợi dụng việc áp dụng phương thức này để loại bỏ nhà thầu ngay trong bước đánh giá về kỹ thuật, đến bước đánh giá về tài chính thì chỉ còn lại duy nhất một nhà thầu, có thể dẫn đến không bảo đảm tính minh bạch, hiệu quả kinh tế. Do đó, việc quy định rõ các điều kiện áp dụng đối với từng phương thức, cách thức xử lý và ràng buộc trách nhiệm của chủ đầu tư trong việc lựa chọn áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ nhưng chỉ có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật sẽ góp phần nâng cao hiệu quả của phương thức lựa chọn nhà thầu này.

b) Về phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu áp dụng trong lựa chọn nhà đầu tư:

Như đã phân tích tại Phần IV.1 Tờ trình này, Luật Đấu thầu chỉ quy định về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất nên phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu đối với các dự án này chỉ chú trọng đến việc khai thác, phân bổ địa tô trong quá trình thực hiện. Do vậy, trường hợp bổ sung các dự án phải

đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật xã hội hóa vào phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu thì cần bổ sung, hoàn thiện các tiêu chí đánh giá khác phù hợp với yêu cầu, điều kiện phát triển của từng lĩnh vực và có tính đến đặc thù trong chính sách khuyến khích xã hội hóa đầu tư trong một số lĩnh vực.

c) Về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu:

- Luật Đấu thầu chỉ quy định đánh giá về tính bảo đảm cạnh tranh từ thời điểm đóng thầu. Quy định này không bảo đảm tính cạnh tranh đối với trường hợp nhà thầu tham dự thầu xây lắp (là Tổng công ty), có Công ty con đã từng thực hiện hoạt động tư vấn cho gói thầu xây lắp mà Tổng công ty tham dự thầu, đến trước thời điểm đóng thầu, Tổng công ty quyết định rút hết vốn góp ở Công ty con. Do đó, việc bổ sung quy định về xác định thời điểm đánh giá tính độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa các chủ thể tham gia trực tiếp hoặc có liên quan đến hoạt động lựa chọn nhà thầu sẽ góp phần nâng cao tính công bằng, nhà thầu không thể tạo lợi thế cho mình thông qua việc rút vốn ở các Công ty con trước đây đã từng thực hiện công tác tư vấn cho gói thầu mà nhà thầu tham dự thầu nhằm nâng cao tính cạnh tranh.

- Luật Đấu thầu quy định nhà thầu tham dự thầu và chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu tư vấn không được có cổ phần, vốn góp của nhau nhưng không quy định rõ cổ phần, vốn góp ghi trong đăng ký thành lập và hoạt động của doanh nghiệp. Điều này dẫn đến vướng mắc trong việc xác định tính độc lập về pháp lý và tài chính trong trường hợp nhà thầu là công ty đại chúng đã niêm yết trên sàn chứng khoán (nhà đầu tư chứng khoán, không có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp nhưng lại sở hữu cổ phiếu của doanh nghiệp). Do đó, việc bổ sung quy định xác định tính độc lập về pháp lý, độc lập về tài chính giữa nhà thầu, các tổ chức, cá nhân sở hữu cổ phiếu của nhà thầu với chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu tư vấn đối với trường hợp nhà thầu là công ty đại chúng, đã niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán sẽ góp phần vừa bảo đảm tính cạnh tranh, bảo đảm quyền, lợi ích của nhà thầu tham dự thầu và các nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu của nhà thầu.

d) Về hình thức và nội dung hợp đồng áp dụng trong lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư:

- Luật Đấu thầu quy định hợp đồng trọn gói là loại hợp đồng cơ bản, các gói thầu xây lắp, mua sắm hàng hóa quy mô nhỏ (hợp đồng xây lắp không quá 20 tỷ đồng, hợp đồng mua sắm hàng hóa không quá 10 tỷ đồng) phải áp dụng hình thức trọn gói. Quy định như vậy không phù hợp với thông lệ quốc tế cũng như quy định của nhà tài trợ. Trong thực tế, nhiều gói thầu xây lắp có phần công trình ngầm, gói thầu mua sắm hàng hóa, vật tư y tế, thuốc chữa bệnh... không thể xác định được chính xác số lượng, khối lượng tại thời điểm đấu thầu. Trong

trường hợp này, việc bắt buộc phải áp dụng loại hợp đồng trọn gói là không phù hợp với thực tế cũng như quy định tương ứng của pháp luật xây dựng. Vì vậy, việc sửa đổi, bổ sung quy định về điều kiện áp dụng loại hợp đồng theo hướng cho phép chủ đầu tư, người có thẩm quyền tùy thuộc vào quy mô, tính chất, điều kiện của từng gói thầu để quyết định lựa chọn áp dụng loại hợp đồng sẽ bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật xây dựng về quản lý chi phí, đồng thời nâng cao hiệu quả của công tác đấu thầu.

- Quy định về hợp đồng trong Luật Đấu thầu còn sơ sài, chưa bao quát hết các nội dung cần thiết phải thỏa thuận, cam kết giữa chủ đầu tư và nhà thầu. Do đó, việc bổ sung các quy định về hợp đồng cho đầy đủ, đồng bộ, thống nhất sẽ góp phần nâng cao tính công bằng trong hoạt động đấu thầu, thể hiện rõ hơn vai trò của chủ đầu tư và nhà thầu trong mối quan hệ dân sự-kinh tế. Bên cạnh đó, việc quy định rõ ràng, cụ thể hơn các nội dung, điều khoản của hợp đồng sẽ giúp cho chủ đầu tư xây dựng hồ sơ mời thầu được chi tiết, cụ thể hơn, nhà thầu căn cứ các điều kiện, điều khoản hợp đồng trong hồ sơ mời thầu để đề xuất phương án thực hiện, giá dự thầu phù hợp; gắn trách nhiệm của các chủ thể tham gia hợp đồng với hiệu quả sử dụng vốn từ khâu tổ chức lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng đến khâu quản lý thực hiện, thanh lý, quyết toán hợp đồng.

- Luật Đấu thầu chỉ quy định căn cứ, điều kiện, bảo đảm thực hiện hợp đồng trong lựa chọn nhà đầu tư dự án có sử dụng đất. Do vậy, trường hợp bổ sung các dự án phải đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật xã hội hóa vào phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu thì cần bổ sung quy định về hợp đồng áp dụng đối với các dự án này trên cơ sở luật hóa các quy định đã được áp dụng ổn định tại cấp Nghị định và bổ sung nội dung tương ứng phù hợp với đặc thù yêu cầu thực hiện dự án xã hội hóa, chuyên ngành, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với quy định của pháp luật về đấu thầu, đầu tư, đất đai và pháp luật liên quan.

3. Chính sách 3: Tiếp tục đơn giản hóa quy trình, thủ tục thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, cắt giảm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp.

3.1. Mục tiêu của Chính sách:

Cải tiến quy trình, thủ tục trong đấu thầu nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính trong đấu thầu.

3.2. Nội dung và giải pháp thực hiện chính sách

a) Về quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu:

Sửa đổi, bổ sung nội dung các Điều 34, 35, 36, 37, 38 Luật Đấu thầu về quy trình tổ chức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư theo hướng:

- Cho phép thực hiện các hoạt động lập, phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, xác định danh sách ngắn trước khi dự án được phê duyệt (hành động trước) để tiết kiệm thời gian thực hiện dự án, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn.

- Lược bỏ thủ tục thẩm định, phê duyệt ở các bước trung gian như: thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu; bổ sung quy định về quy trình lựa chọn nhà thầu cụ thể tương ứng với từng hình thức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; bổ sung các nguyên tắc về đấu thầu cho phù hợp với thông lệ quốc tế; sửa đổi, bổ sung quy định về phân cấp phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho chủ đầu tư thay vì người có thẩm quyền như hiện nay; bổ sung quy định cơ quan quản lý về đấu thầu tại các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp chịu trách nhiệm xem xét sự phù hợp của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trước khi phát hành.

- Tối đa hóa việc thực hiện các thủ tục đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (như: kê khai về năng lực, kinh nghiệm để tạo cơ sở dữ liệu đồng bộ, thống nhất về nhà thầu, nhà đầu tư; thẩm định, phê duyệt các hồ sơ trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; thực hiện bảo lãnh dự thầu online, đánh giá hồ sơ dự thầu tự động; ký kết, quản lý hợp đồng online...); lựa chọn danh sách các nhà cung cấp kèm theo danh mục hàng hóa và các điều khoản về kỹ thuật, giao hàng, bảo hành, bảo trì để công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, làm cơ sở để các cơ quan có nhu cầu mua sắm tiến hành đàm phán, ký kết hợp đồng ngay với nhà cung cấp mà không cần phải tổ chức đấu thầu, gây mất thời gian, làm giảm hiệu quả của công tác mua sắm...

- Bổ sung các quy định về Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và quy trình thực hiện mua sắm thông qua các tính năng của Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia như shopping online, e-catalog...

b) Về quy trình, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư:

- Tích hợp thủ tục đầu tư theo pháp luật về đầu tư và thủ tục lựa chọn nhà đầu tư theo pháp luật về đấu thầu; trong đó, lồng ghép việc công bố thông tin dự án đầu tư (gồm dự án đầu tư có sử dụng đất và dự án phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật về xã hội hóa) với quy trình đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư.

- Tích hợp thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư vào quyết định phê duyệt kết quả đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm nhà đầu tư. Theo đó, tại quyết định này, cấp có thẩm quyền xác định và phê duyệt hình thức đấu thầu, tên bên mời thầu, thời gian tổ chức đấu thầu làm cơ sở để tổ chức lựa chọn nhà đầu tư.

c) Về thời gian trong đấu thầu:

Sửa đổi, bổ sung các quy định về thời gian lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư theo hướng cắt giảm thời gian thực hiện một số khâu, đồng thời bảo đảm tương thích với các tính năng của Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, bao gồm:

- Bỏ quy định về thời gian thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu; điều chỉnh các mốc thời gian cho phù hợp đối với một số công việc do được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

- Quy định thống nhất, cụ thể các mốc thời gian cho từng chủ thể tham gia vào quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư nhằm tiết kiệm thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư nhưng vẫn bảo đảm các mục tiêu cơ bản của công tác đấu thầu.

3.3. Lý do lựa chọn giải pháp

a) Về quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu:

Việc sửa đổi, bổ sung quy trình chung trong đấu thầu theo hướng đơn giản hóa các thủ tục hành chính, giảm bớt thời gian của các khâu trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, đẩy mạnh đấu thầu qua mạng sẽ giúp nâng cao tính minh bạch, công khai thông tin, giảm thiểu thủ tục hành chính để tránh gây phiền hà, giảm những nhiễu của cán bộ ở cơ quan công quyền đối với doanh nghiệp, người dân, góp phần tích cực trong việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, bảo vệ tốt hơn quyền, lợi ích hợp pháp của người dân và doanh nghiệp.

b) Về quy trình, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư:

Việc tích hợp, kết nối tối đa giữa pháp luật về đầu tư và pháp luật về đấu thầu nhằm rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục, đồng thời bảo đảm thống nhất với quy định của pháp luật về đất đai, tạo thuận lợi cho nhà đầu tư trong quá trình thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất.

c) Về thời gian trong đấu thầu:

Hiện nay, Luật Đấu thầu đã quy định từng mốc thời gian cụ thể cho từng hoạt động lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư (thời gian phê duyệt, đánh giá, thẩm định...), nhưng lại chưa có chế tài xử lý trong trường hợp các chủ thể không tuân thủ theo đúng thời gian quy định. Thực tế, có những gói thầu, dự án lớn, phức tạp, phải xử lý tình huống kéo dài thì khoảng thời gian quy định trong Luật là không phù hợp. Do đó, cần thiết phải chỉnh sửa quy định về thời gian theo hướng quy định mức thời gian chung cho cả quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; tùy từng tình huống cụ thể, người có thẩm quyền được phép điều chỉnh thời gian lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư cho phù hợp.

4. Chính sách 4: Thúc đẩy sản xuất trong nước và mua sắm các sản phẩm đổi mới sáng tạo, mua sắm xanh nhằm mục tiêu phát triển bền vững, tạo công ăn việc làm cho nhóm lao động yếu thế

4.1. Mục tiêu của chính sách:

Nâng cao hiệu quả kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường theo hướng phát triển bền vững thông qua hoạt động đấu thầu.

4.2. Nội dung và giải pháp thực hiện chính sách:

a) Về thúc đẩy sản xuất trong nước, mua sắm các sản phẩm đổi mới sáng tạo:

- Bổ sung quy định cụ thể về cách tính ưu tiên, ưu đãi đối với các loại hàng hóa này so với hàng hóa nhập khẩu hoặc hàng hóa có tỷ lệ nội địa hóa thấp. Theo đó, nhà thầu chào các loại hàng hóa có tỷ lệ nội địa hóa lớn sẽ được ưu tiên; các hàng hóa có tỷ lệ nội địa hóa cao sẽ được ưu tiên sử dụng để thay thế cho hàng nhập khẩu.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định để áp dụng ưu tiên, ưu đãi với doanh nghiệp cấp nhỏ, siêu nhỏ hoạt động trong tất cả các lĩnh vực xây lắp, cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho phù hợp với quy mô và ngành nghề sản xuất, kinh doanh hiện nay của doanh nghiệp cấp nhỏ, siêu nhỏ.

- Bổ sung quy định về quy trình, thủ tục, năng lực, kinh nghiệm đối với nhà thầu sản xuất, cung cấp các sản phẩm đổi mới sáng tạo, điều kiện mua sắm hàng hóa, dịch vụ là các sản phẩm đổi mới, sáng tạo. Bổ sung quy định ưu tiên sử dụng các sản phẩm đổi mới sáng tạo để thay thế hàng nhập khẩu.

b) Về mua sắm xanh nhằm mục tiêu phát triển bền vững:

- Bổ sung quy định mới về mua sắm xanh nhằm thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, tăng trưởng xanh.

- Bổ sung quy định về lộ trình bắt buộc các chủ đầu tư khi thực hiện mua sắm phải xem xét và đặt yêu cầu về sản phẩm, dịch vụ cho nhà cung ứng dịch vụ (VD: yêu cầu các sản phẩm phải thân thiện với môi trường, ít phát thải, tiêu hao ít năng lượng...).

c) Về ưu đãi cho hàng hóa, dịch vụ được sản xuất, cung cấp bởi các nhóm yếu thế trong xã hội:

Bổ sung quy định mới về ưu tiên, ưu đãi cho nhà thầu là các doanh nghiệp có sử dụng lao động thuộc nhóm yếu thế (phụ nữ, thương binh, người khuyết tật) và hàng hóa được sản xuất bởi nhóm yếu thế theo hướng thực chất, hiệu quả hơn; cụ thể là:

- Xây dựng danh mục hàng hóa, dịch vụ mà nhóm yếu thế đang cung cấp

trên thị trường;

- Quy định bắt buộc các chủ đầu tư phải sử dụng hàng hóa, dịch vụ được cung cấp bởi nhóm yếu thế với lộ trình phù hợp, dành một khoản kinh phí nhất định cho mua sắm hàng hóa, dịch vụ từ nhóm yếu thế...

4.3. Lý do lựa chọn giải pháp

Các chính sách về mua sắm xanh; ưu tiên, ưu đãi, hỗ trợ cho doanh nghiệp sẽ góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy doanh nghiệp phát triển, từ đó tạo công ăn, việc làm cho người dân, góp phần xóa đói, giảm nghèo.

Ngoài việc nâng cao đời sống nhân dân, các chính sách nêu trên còn góp phần xây dựng lối sống thân thiện với môi trường, giúp cho môi trường ngày càng trong, sạch góp phần nâng cao sức khỏe của người dân; cụ thể là:

a) Chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ; hỗ trợ, ưu tiên và thúc đẩy mua sắm hàng hóa sản xuất trong nước thay thế hàng nhập khẩu, mua sắm sản phẩm đổi mới sáng tạo sẽ tạo động lực cho các doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ phát triển; thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư dây chuyền, công nghệ để sản xuất hàng hóa thay thế hàng nhập khẩu; thúc đẩy doanh nghiệp thực hiện nghiên cứu, đầu tư, kinh doanh các ý tưởng khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo góp phần lan tỏa tinh thần đổi mới sáng tạo trong cộng đồng các doanh nghiệp Việt Nam, hình thành nên các doanh nghiệp Việt Nam trẻ, năng động, sáng tạo, bắt kịp với Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và xu thế phát triển các mô hình kinh doanh trên thế giới.

Việc ưu đãi cho hàng hóa, doanh nghiệp trong nước sẽ thúc đẩy hơn nữa sự phát triển của cộng đồng doanh nghiệp, từ đó làm tăng quy mô cũng như sự phát triển chung của nền kinh tế, góp phần quan trọng trong việc khuyến khích sản xuất địa phương để tiêu thụ nội địa; sản xuất hàng hóa trong nước để thay thế nhập khẩu sẽ làm giảm nhu cầu ngoại hối, kích thích sự đổi mới và làm cho đất nước tự chủ trong các lĩnh vực quan trọng như an ninh, quốc phòng, công nghệ tiên tiến... nhằm thực hiện được kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng.

b) Chính sách mua sắm xanh nhằm mục tiêu phát triển bền vững sẽ góp phần thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới công nghệ, áp dụng quy trình quản lý, vận hành tiên tiến bảo đảm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả... Phát triển "mua sắm xanh" sẽ kích thích tăng số lượng và chất lượng các sản phẩm và dịch vụ thân thiện môi trường. "Mua sắm xanh" thúc đẩy quá trình tái chế các chất thải, từ việc thu gom, phân loại cho tới sản xuất và phát triển thị trường sử dụng các sản phẩm tái chế.

Bên cạnh đó, quy định về mua sắm xanh sẽ góp phần giảm thiểu sử dụng năng lượng và tài nguyên thiên nhiên; phát triển các sản phẩm mới, thân thiện

với môi trường hơn; kích thích hình thành thị trường mới đối với vật liệu tái chế và gia tăng việc làm; nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường; tiết kiệm chi phí mua sắm và sử dụng; tuân thủ các quy định pháp luật về môi trường do mua các sản phẩm/dịch vụ xanh sẽ giảm nguy cơ thải các hóa chất độc hại vào đất, không khí và nước. Đây là nội dung quan trọng của phát triển bền vững, bảo đảm phát triển kinh tế nhanh, hiệu quả, bền vững và góp phần quan trọng trong việc thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu.

c) Chính sách ưu tiên, ưu đãi cho nhà thầu là các doanh nghiệp có sử dụng lao động thuộc nhóm yếu thế (phụ nữ, thương binh, người khuyết tật) và hàng hóa được sản xuất bởi nhóm yếu thế sẽ góp phần tạo công ăn việc làm cho phụ nữ, thương binh, người khuyết tật; tạo công bằng xã hội và góp phần nâng cao đời sống của nhóm lao động yếu thế.

5. Chính sách 5: Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về đấu thầu; phòng chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong hoạt động đấu thầu

5.1. Mục tiêu của chính sách:

- Đẩy mạnh phân cấp trong đấu thầu, nâng cao trách nhiệm của các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đấu thầu.

- Nâng cao trách nhiệm giải trình và bảo đảm hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, giải quyết kiến nghị và chế tài xử lý vi phạm đối với các bên liên quan trong hoạt động đấu thầu.

- Ngăn chặn, hạn chế tình trạng tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong hoạt động đấu thầu sử dụng nguồn vốn nhà nước.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác giải quyết kiến nghị và tranh chấp trong đấu thầu.

5.2. Nội dung và giải pháp thực hiện chính sách:

a) Về phân cấp trong hoạt động đấu thầu

Sửa đổi, bổ sung quy định tại các Điều 37, 38 Luật Đấu thầu theo hướng bỏ các bước thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu. Thay vào đó, cần bổ sung trách nhiệm xem xét hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu của cơ quan quản lý về đấu thầu ở các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp trong một khoảng thời gian nhất định trước khi bên mời thầu phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu. Việc xem xét nội dung hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu của cơ quan quản lý về đấu thầu và phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu của chủ đầu tư sẽ thực hiện trên Hệ thống

mạng đấu thầu quốc gia để nhằm tiết kiệm thời gian và bảo đảm tính công khai, minh bạch.

b) Về trách nhiệm giải trình, thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán trong đấu thầu, chế tài xử lý vi phạm đối với các bên liên quan trong hoạt động đấu thầu

- Bổ sung các quy định cụ thể về trách nhiệm giải trình của các bên tham gia trực tiếp vào quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư tương ứng với quyền được giao.

- Bổ sung quy định về thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán các hoạt động đấu thầu theo hướng cụ thể hơn, chặt chẽ hơn, đặc biệt cần bổ sung quy trình kiểm tra, giám sát cụ thể và các quy định về hậu thanh tra, kiểm tra, giám sát nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn và đẩy lùi các hành vi vi phạm trong đấu thầu, góp phần thực hiện tốt công tác phòng chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí.

- Bổ sung chế tài xử lý vi phạm đối với người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu.

c) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác giải quyết kiến nghị và tranh chấp trong đấu thầu

Sửa đổi, bổ sung quy định tại các Điều 91, 92, 93, 94 Luật Đấu thầu theo hướng nâng cao tính độc lập của cơ quan giải quyết kiến nghị, đơn giản hóa hơn nữa quy trình, thủ tục giải quyết kiến nghị, tranh chấp trong đấu thầu; bổ sung quy định về cơ chế sử dụng trọng tài để giải quyết các tranh chấp trong quá trình thực hiện hợp đồng.

5.3. Lý do lựa chọn giải pháp:

a) Việc phân cấp triệt để trong đấu thầu trong thời gian qua đã góp phần rút ngắn thời gian trong mua sắm, đồng thời tạo sự chủ động và linh hoạt cho người có thẩm quyền phê duyệt quyết định chỉ thẩm định khi cần thiết. Tuy nhiên, phân cấp mạnh phải gắn với trách nhiệm giải trình để không tạo thành vòng tròn khép kín trong mua sắm và người có thẩm quyền phê duyệt phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình. Việc bổ sung quy định về xem xét hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu của cơ quan quản lý về đấu thầu ở các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp trước khi bên mời thầu phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu sẽ vẫn bảo đảm trách nhiệm của chủ đầu tư, bên mời thầu, đồng thời nâng cao vai trò của các cơ quan quản lý trong việc bảo đảm sự công khai, minh bạch trong đấu thầu, góp phần nâng cao hiệu quả của công tác đấu thầu, tránh tình trạng đấu thầu nhưng thực tế là chỉ định thầu do các nội dung “cài cắm” trong hồ sơ mời thầu.

b) Về xử lý vi phạm, thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán trong đấu thầu: Thực tế trong thời gian qua, hiệu quả mà hoạt động thanh, kiểm tra mang lại chưa cao, ở nhiều địa phương, việc phát hiện và xử lý sai phạm trong công tác đấu thầu vẫn còn chưa triệt để. Công tác hậu thanh tra, kiểm tra cũng chưa thực sự được quan tâm, dẫn tới việc thanh tra, kiểm tra xong các tồn tại vi phạm không được giải quyết triệt để và vẫn tiếp tục tái diễn. Bên cạnh việc tăng cường phân cấp, ủy quyền đã tạo sự chủ động, linh hoạt trong đấu thầu nhưng các cơ quan có thẩm quyền cũng cần tiến hành kiểm tra, thanh tra thường xuyên để đảm bảo việc thực hiện tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo đạt được mục tiêu thực hiện dự án, sớm ngăn chặn, phát hiện và có biện pháp xử lý kịp thời đối với các hành vi vi phạm góp phần chấn chỉnh và chuẩn hóa hoạt động đấu thầu tại bộ ngành, địa phương, doanh nghiệp.

Việc bổ sung quy định về xử lý vi phạm, thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn và đẩy lùi các hành vi vi phạm trong đấu thầu, góp phần thực hiện tốt công tác phòng chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí.

c) Về giải quyết kiến nghị và tranh chấp trong đấu thầu

- Việc giải quyết kiến nghị theo quy định tại Luật Đấu thầu thuộc trách nhiệm của chủ đầu tư, người có thẩm quyền. Do tính độc lập giữa cơ quan giải quyết kiến nghị (người có thẩm quyền) và cơ quan được kiến nghị (chủ đầu tư, bên mời thầu) không cao nên trong một số trường hợp, việc quyết định giải quyết kiến nghị của nhà thầu chưa thực sự chính xác, thấu đáo. Do đó cần sửa đổi, bổ sung quy định về giải quyết kiến nghị nhằm xác định rõ quy trình, thủ tục thực hiện, nâng cao tính độc lập, tự chịu trách nhiệm của cơ quan giải quyết kiến nghị.

- Việc bổ sung quy định về sử dụng trọng tài để hòa giải các tranh chấp trong quá trình thực hiện hợp đồng là phù hợp với thông lệ quốc tế, hạn chế việc kiện tụng ra tòa án của các bên tham gia hợp đồng, góp phần nâng cao hiệu quả, tiến độ thực hiện dự án, gói thầu.

VI. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM THI HÀNH

Để bảo đảm triển khai thi hành Luật Đấu thầu (sửa đổi) sau khi được thông qua, về cơ bản, các cơ quan, tổ chức, cá nhân vẫn sử dụng nguồn lực tài chính và nguồn nhân lực hiện hành.

VII. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH QUỐC HỘI

Dự kiến trình Quốc hội khoá XV xem xét, cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 4 (tháng 10/2022) và thông qua tại Kỳ họp thứ 5 (tháng 5/2023).

Trên đây là Tờ trình đề nghị xây dựng dự án Luật Đấu thầu (sửa đổi), Bộ Kế hoạch và Đầu tư xin kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

Tài liệu gửi kèm theo Tờ trình này:

- 1. Báo cáo đánh giá tác động của chính sách Luật Đấu thầu (sửa đổi);*
- 2. Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật Đấu thầu, kèm theo Bảng tổng hợp ý kiến tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật Đấu thầu của các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp;*
- 3. Dự thảo Đề cương Luật Đấu thầu (sửa đổi);*
- 4. Báo cáo thẩm định hồ sơ đề nghị xây dựng dự án Luật Đấu thầu (sửa đổi).*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các thành viên Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ KH&ĐT;
- Lưu: VT, QLĐT (HC).

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Chí Dũng

Dự thảo
ngày
09/12/2021

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH LUẬT ĐẦU THẦU (SỬA ĐỔI)

(Ban hành kèm theo Tờ trình số /TTr-BKHĐT ngày tháng năm 2021
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

I. Xác định vấn đề bất cập tổng quan

1. Bối cảnh xây dựng chính sách

Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 (sau đây gọi chung là Luật Đấu thầu) được Quốc hội Khóa XIII thông qua tại Kỳ họp thứ VI, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2014. Việc ban hành và thực hiện Luật này cùng với các Luật có liên quan đã tạo cơ sở pháp lý quan trọng điều chỉnh hoạt động mua sắm, quản lý sử dụng vốn, tài sản của nhà nước, góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư, mua sắm bằng nguồn ngân sách nhà nước. Trong những năm qua, tỷ lệ tiết kiệm thông qua đấu thầu luôn được duy trì ổn định, tỷ trọng các gói thầu áp dụng các hình thức kém cạnh tranh (như chỉ định thầu, đấu thầu hạn chế) ngày càng giảm.

Bên cạnh đó, Luật Đấu thầu đã tạo cơ sở pháp lý cho việc đẩy mạnh hoạt động đấu thầu qua mạng, tạo chuyển biến toàn diện trong công tác đấu thầu, đảm bảo yêu cầu công khai, minh bạch, cạnh tranh và hiệu quả kinh tế trong hoạt động đấu thầu, tạo niềm tin cho các cơ quan, đơn vị trong quá trình triển khai hoạt động đấu thầu. Tỷ lệ thực hiện đấu thầu qua mạng trong những năm qua luôn đạt và vượt chỉ tiêu đã được Chính phủ thông qua.

Nghị quyết của Đại hội Đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XIII đã thông qua định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 – 2030 là: *“(1) Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy, xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển bền vững về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, môi trường..., tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc; khơi dậy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho sự phát triển nhanh và bền vững đất nước. (2) Hoàn thiện toàn diện, đồng bộ thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo môi trường thuận lợi để huy động, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, thúc đẩy đầu tư, sản xuất kinh doanh. Bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, đổi mới mạnh mẽ mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng và phát triển đô thị; phát triển kinh tế nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; ưu tiên nguồn lực phát triển hạ tầng nông thôn miền núi, vùng dân tộc thiểu số; đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, gắn kết hài hoà, hiệu quả thị trường trong nước và quốc*

tế”. Theo đó, một trong các đột phá chiến lược mà Nghị quyết của Đại hội Đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XIII nêu ra là: *“Hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển, trước hết là thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại, cạnh tranh hiệu quả. Tập trung ưu tiên hoàn thiện đồng bộ, có chất lượng và tổ chức thực hiện tốt hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng cho mọi thành phần kinh tế, thúc đẩy đổi mới sáng tạo; huy động, quản lý và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho phát triển, nhất là đất đai, tài chính, hợp tác công-tư; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền hợp lý, hiệu quả, đồng thời tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực bằng hệ thống pháp luật”*.

Chỉ thị số 03-CT-TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Cuộc vận động *“Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam”* trong tình hình mới là: *“Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện chính sách, pháp luật, tạo hành lang pháp lý thuận lợi để hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam, trước hết là doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp công nghệ số tham gia vào chuỗi sản xuất hàng hoá, dịch vụ chất lượng cao; phát triển doanh nghiệp và thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; phát huy vai trò đầu tàu kinh tế của các tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp lớn; khuyến khích các doanh nghiệp sản xuất hàng hoá có chất lượng tốt, mẫu mã đẹp, giá cả phù hợp. Có chính sách bảo vệ thị trường phân phối hàng hoá trong nước phù hợp với các cam kết quốc tế”*.

Kết luận số 07-KL/TW ngày 11/6/2021 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm tăng cường công tác phòng, chống dịch Covid-19 và phát triển kinh tế - xã hội đề ra nhiệm vụ là: *“Ban cán sự đảng Chính phủ phối hợp chặt chẽ với Đảng đoàn Quốc hội tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về thể chế, cơ chế, chính sách để hỗ trợ, duy trì, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh; không để gián đoạn sản xuất”*.

Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV đã nhấn mạnh cần chú trọng hoàn thiện hệ thống pháp luật đầy đủ, đồng bộ, thống nhất, kịp thời, khả thi, ổn định, công khai, minh bạch, có sức cạnh tranh quốc tế; lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm; tăng cường giám sát, kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước; thúc đẩy đổi mới sáng tạo

Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 đã nêu một số phương châm hành động và trọng tâm chỉ đạo điều hành của Chính phủ là: *“Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao chất lượng*

thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đầy đủ, đồng bộ, hiện đại, hội nhập; giải quyết tốt mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội, giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Huy động, sử dụng các nguồn lực theo cơ chế thị trường; Quyết liệt thực hiện cải cách hành chính, trọng tâm là cải cách thủ tục hành chính, bảo đảm hiệu quả, thực chất gắn với đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi số quốc gia, cung cấp các dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp, tạo môi trường kinh doanh thông thoáng, thuận lợi hơn, thu hút mạnh mẽ đầu tư, thúc đẩy doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo”.

Qua tổng kết, đánh giá tình hình 7 năm thực hiện, Luật Đấu thầu cũng đã bộc lộ một số tồn tại, hạn chế cần thiết phải sửa đổi, bổ sung một cách toàn diện để ban hành một luật mới nhằm bảo đảm phù hợp với tình hình phát triển của đất nước, trên cơ sở định hướng phát triển đất nước trong giai đoạn sắp tới và phù hợp với thông lệ quốc tế cũng như cam kết của Việt Nam trong các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam là thành viên. Cụ thể như sau:

Một là, quá trình triển khai thi hành Luật Đấu thầu đã phát sinh một số hoạt động mua sắm, đấu thầu lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư nhưng chưa được Luật này quy định hoặc quy định chưa đầy đủ để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thu hút đầu tư và đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước (như chưa có quy định cụ thể, đầy đủ về lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật xã hội hoá, lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án có từ 02 nhà đầu tư quan tâm...).

Bên cạnh đó, sau khi Luật Đấu thầu được ban hành, một số Luật liên quan¹ đã sửa đổi, bổ sung và/hoặc có quy định khác với Luật Đấu thầu. Quy định về khái niệm doanh nghiệp nhà nước được sửa đổi tại Luật Doanh nghiệp năm 2020 cũng như quy trình, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư dự án có sử dụng đất được tích hợp trong quá trình thực hiện dự án đầu tư theo quy định mới của Luật Đầu tư năm 2020 cũng đặt ra yêu cầu phải tiếp tục hoàn thiện một số quy định của Luật Đấu thầu nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, tránh mâu thuẫn, xung đột trong quá trình thi hành Luật này.

Hai là, một số quy định của Luật Đấu thầu đã phát sinh vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện; cụ thể là:

- Hạn mức chỉ định thầu còn ở mức cao so với thông lệ quốc tế cũng như quy định của WB, ADB dẫn đến số lượng gói thầu áp dụng chỉ định thầu vẫn chiếm số lượng lớn (khoảng 70% tổng số gói thầu).

¹ Luật Xây dựng, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, Luật Kiến trúc, Luật PPP...

- Luật Đấu thầu đã có quy định về lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt khi gói thầu xuất hiện các yếu tố đặc thù, riêng biệt mà không thể áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu khác (như đấu thầu, chỉ định thầu, chào hàng cạnh tranh...), nhưng chưa quy định trình tự, thủ tục xây dựng phương án, trình, thẩm định, phê duyệt dẫn đến áp dụng không thống nhất trong quá trình thực hiện.

- Quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu chưa làm rõ các tiêu chí, nguyên tắc, thời điểm xác định tính độc lập về pháp lý, tài chính giữa các chủ thể tham gia vào hoạt động đấu thầu (như nhà thầu, nhà thầu tư vấn, chủ đầu tư, bên mời thầu...).

- Quy định về việc giao toàn quyền cho chủ đầu tư phê duyệt hồ sơ mời thầu dẫn đến tình trạng một số chủ đầu tư áp đặt các tiêu chí đánh giá không phù hợp trong hồ sơ mời thầu nhằm hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu.

- Quy định về hợp đồng cũng như các nội dung và nguyên tắc điều chỉnh hợp đồng còn sơ sài, chưa bao quát hết các nội dung cần thiết phải thỏa thuận giữa chủ đầu tư và nhà thầu trong việc thực hiện gói thầu.

- Quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư mặc dù đã được đơn giản hóa nhưng trong một số trường hợp vẫn chưa thật sự tạo thuận lợi cho hoạt động đấu thầu, nhất là khi phải lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư để thực hiện các dự án quan trọng, cấp bách hoặc mua sắm để phục vụ công tác phòng, chống, dịch bệnh, thiên tai...

- Đấu thầu qua mạng đã được áp dụng rộng rãi tại Việt Nam nhưng mới chỉ có các quy định mang tính nguyên tắc trong Luật; quy trình, thủ tục được giao cho Chính phủ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn chi tiết nên chưa bảo đảm hiệu lực pháp lý cao, thống nhất.

Ba là, Luật Đấu thầu chưa quy định đầy đủ và có hiệu quả nhằm khuyến khích sản xuất hàng hóa trong nước thay thế hàng hóa nhập khẩu; ưu đãi đối với hàng hóa sản xuất trong nước; mua sắm hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ được cung cấp từ các nhóm yếu thế trong xã hội; ưu đãi cho doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ; mua sắm các sản phẩm đổi mới sáng tạo; mua sắm xanh nhằm mục tiêu phát triển bền vững...

Bốn là, các quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động đấu thầu và việc thi hành pháp luật đấu thầu còn một số mặt hạn chế sau đây:

- Hành vi “thông thầu” vẫn diễn biến phức tạp, tinh vi; năng lực, kinh nghiệm của một số người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu chưa đáp ứng yêu cầu; còn có tình trạng đùn đẩy trách nhiệm cho cấp trên, các Bộ và Thủ tướng Chính phủ mặc dù đã được Luật phân cấp.

- Luật chưa quy định đầy đủ về quy trình kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm, đặc biệt là công tác kiểm tra kết quả thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra, giám sát và mới chỉ tập trung quy định về chế tài xử lý đối với các hành vi vi phạm của nhà thầu, nhà đầu tư mà chưa có chế tài xử lý vi phạm đối với bên mời thầu, chủ đầu tư, người có thẩm quyền (là các bên quan trọng trong việc quyết định đến tính hiệu quả, minh bạch trong đấu thầu).

- Luật cũng chưa có quy định về chế tài xử lý đối với trường hợp các cơ quan có thẩm quyền buông lỏng việc kiểm tra, giám sát, giải quyết kiến nghị trong đấu thầu dẫn đến hiệu quả của việc thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, giải quyết kiến nghị về đấu thầu trong thời gian qua chưa đạt hiệu quả.

- Tính độc lập, khách quan của cơ chế giải quyết kiến nghị trong hoạt động đấu thầu chưa thật sự bảo đảm, dẫn đến xử lý kém hiệu quả các kiến nghị của nhà thầu và các bên liên quan trong quá trình hoạt động đấu thầu.

Năm là, hiện nay Việt Nam đã ký kết, tham gia 15 Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, trong đó có 03 Hiệp định² quy định về mở cửa thị trường mua sắm Chính phủ. Do đó, việc sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Luật Đấu thầu là yêu cầu cấp bách để bảo đảm thực thi đầy đủ và có hiệu quả cam kết của Việt Nam về mở cửa thị trường mua sắm công theo các Hiệp định nêu trên.

2. Mục tiêu xây dựng chính sách

Căn cứ bối cảnh xây dựng chính sách nêu trên cho thấy, việc xây dựng được khung pháp lý cao, thống nhất, đồng bộ, hạn chế rủi ro về mặt thay đổi chính sách là một trong những điều kiện quan trọng để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn nhà nước thông qua đấu thầu; tạo môi trường bình đẳng, cạnh tranh, minh bạch trong mua sắm công; thúc đẩy sản xuất trong nước; thúc đẩy sản xuất gắn liền với tăng trưởng xanh, phát triển bền vững; thực thi tốt các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên; tăng cường hiệu quả, hiệu lực thực thi pháp luật về mua sắm công, mua sắm Chính phủ tại Việt Nam.

a) Mục tiêu tổng thể:

a) Tiếp tục tạo dựng môi trường pháp lý đầy đủ, đồng bộ, thống nhất về đấu thầu, mua sắm sử dụng nguồn vốn nhà nước.

b) Tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện Luật, nâng cao chất lượng, hiệu quả và bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch của công tác đấu thầu, góp phần hạn chế tình trạng tiêu cực, tham nhũng, lãng phí; cắt giảm chi phí cho doanh nghiệp thông qua hoạt động đấu thầu.

² Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Vương quốc Anh (UKVFTA), Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA)

c) Góp phần hỗ trợ sản xuất trong nước, tạo việc làm cho nhóm lao động yếu thế; thúc đẩy hoạt động mua sắm các sản phẩm đổi mới sáng tạo, mua sắm xanh nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, phát triển bền vững thông qua hoạt động đấu thầu.

d) Tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về đấu thầu và cơ chế kiểm tra, giám sát, giải quyết kiến nghị trong hoạt động đấu thầu.

b) Mục tiêu cụ thể:

- Bảo đảm quản lý thống nhất các hoạt động đấu thầu sử dụng nguồn vốn nhà nước, vốn của doanh nghiệp nhà nước. Bảo đảm tính khả thi, thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật về đấu thầu.

- Hoàn thiện các quy định về hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư nhằm bảo đảm tính khả thi, hiệu lực, hiệu quả thực chất của hoạt động đấu thầu. Bảo đảm tính cạnh tranh giữa các chủ thể tham gia trực tiếp vào quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư. Bảo đảm việc quản lý chi phí trong quá trình thực hiện hợp đồng phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật chuyên ngành.

- Cải tiến quy trình, thủ tục trong đấu thầu nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính trong đấu thầu.

- Nâng cao hiệu quả kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường theo hướng phát triển bền vững thông qua hoạt động đấu thầu.

- Đẩy mạnh phân cấp trong đấu thầu, nâng cao trách nhiệm của các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc thực hiện công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đấu thầu. Nâng cao trách nhiệm giải trình và bảo đảm hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, giải quyết kiến nghị và chế tài xử lý vi phạm đối với các bên liên quan trong hoạt động đấu thầu. Ngăn chặn, hạn chế tình trạng tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong hoạt động đấu thầu sử dụng nguồn vốn nhà nước.

II. Đánh giá tác động của chính sách

1. Chính sách 1: Xác định rõ phạm vi điều chỉnh, nguyên tắc áp dụng Luật Đấu thầu, các Luật có liên quan và điều ước, thỏa thuận quốc tế về ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ

1.1. Xác định vấn đề bất cập

a) Về hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án đầu tư kinh doanh

- Luật Đấu thầu chỉ có quy định về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có

sử dụng đất, chưa quy định về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo pháp luật chuyên ngành, pháp luật xã hội hóa và lựa chọn nhà đầu tư trong trường hợp có từ 02 nhà đầu tư trở lên quan tâm thực hiện dự án. Trong khi đó, pháp luật chuyên ngành, pháp luật xã hội hóa lại dẫn chiếu áp dụng quy định của Luật Đấu thầu để lựa chọn nhà đầu tư trong các trường hợp nêu trên. Điều này tạo ra khoảng trống pháp luật gây ách tắc quá trình thực hiện thủ tục đầu tư.

Bên cạnh đó, các quy định về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất tại Luật Đấu thầu chỉ mang tính nguyên tắc; điều kiện, trình tự, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư được quy định tại các Nghị định của Chính phủ và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, trong đó, thủ tục lập, phê duyệt, công bố danh mục dự án đã được tích hợp trong quá trình thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định mới của Luật Đầu tư năm 2020.

b) Việc tổ chức lựa chọn nhà thầu của doanh nghiệp Nhà nước

Theo quy định tại khoản 8 Điều 4 Luật Doanh nghiệp năm 2014 thì Doanh nghiệp nhà nước là doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ. Theo đó, quy định các dự án đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước thuộc phạm vi điều chỉnh quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Luật Đấu thầu là phù hợp, góp phần quản lý chặt chẽ, có hiệu quả việc lựa chọn nhà thầu thực hiện các dự án đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước.

Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp năm 2020 thì doanh nghiệp nhà nước bao gồm (i) Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; (ii) Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Như vậy, theo quy định nêu trên thì các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết cũng thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu (Điều mà trước đây chỉ các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ mới phải áp dụng). Việc quy định doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết phải tuân thủ hoàn toàn Luật Đấu thầu có thể dẫn đến làm chậm quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp, không tạo sự linh hoạt, chủ động cho các cổ đông trong việc ra quyết định điều hành, tổ chức sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp của mình. Bên cạnh đó, việc quy định doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ cũng phải tuân thủ toàn bộ quy trình, thủ tục chặt chẽ như đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ cũng không bảo đảm sự công bằng giữa các loại hình doanh nghiệp.

c) Về nguyên tắc áp dụng Luật Đấu thầu, các Luật có liên quan và điều ước, thỏa thuận quốc tế về ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ

Luật Đấu thầu chưa có quy định cụ thể về nguyên tắc áp dụng Luật đối

với trường hợp pháp luật chuyên ngành có quy định về hoạt động lựa chọn nhà thầu và các dự án sử dụng vốn vay ưu đãi (không phải các dự án sử dụng vốn vay theo các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế) do đó không tạo ra tính đồng bộ, thống nhất trong việc áp dụng quy định của pháp luật về hoạt động lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; không bảo đảm sự thống nhất, dễ gây chông chéo giữa quy định về hoạt động đấu thầu của pháp luật chuyên ngành (nếu có) với quy định của Luật Đấu thầu.

1.2. Đề xuất biện pháp giải quyết

a) Về hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án đầu tư kinh doanh

* Phương án 1: Giữ nguyên quy định hiện nay, phạm vi điều chỉnh của Luật chỉ bao gồm dự án đầu tư có sử dụng đất.

Phương án này có ưu điểm là giữ sự ổn định của văn bản pháp lý. Tuy nhiên, trong bối cảnh phát sinh ngày càng nhiều các trường hợp cần lựa chọn nhà đầu tư trong thực tiễn, nếu Luật đấu thầu không điều chỉnh thì sẽ tạo khoảng trống pháp lý, không đồng bộ với các pháp luật có liên quan.

* Phương án 2: Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 1 Luật Đấu thầu để mở rộng phạm vi điều chỉnh của Luật theo hướng bổ sung hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư đối với dự án đầu tư kinh doanh, gồm: dự án phải tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật xã hội hoá, dự án có từ 02 nhà đầu tư quan tâm thực hiện dự án.

Việc bổ sung một số hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư vào phạm vi điều chỉnh của Luật đấu thầu là cần thiết trong bối cảnh nhiều pháp luật chuyên ngành dẫn chiếu tới pháp luật về đấu thầu khi quy định về việc lựa chọn nhà đầu tư, đồng thời cũng là phù hợp với yêu cầu từ thực tiễn khi có từ hai nhà đầu tư cùng quan tâm tới một dự án đầu tư kinh doanh. Phương án này có ưu điểm là tạo cơ sở pháp lý để thống nhất, đồng bộ hoạt động đấu thầu trong tổng thể quy trình đầu tư, nhằm nâng cao tính cạnh tranh, tính kinh tế và bảo đảm nguồn lực được sử dụng một cách hiệu quả. Ngoài ra, để phương án này khả thi, cần rà soát một cách hệ thống, khoa học các văn bản pháp luật dẫn chiếu tới đấu thầu để quy định các nội dung tương ứng từng chuyên ngành. Đồng thời, cũng cần rà soát phạm vi áp dụng, nguyên tắc áp dụng đấu thầu đối với dự án đầu tư kinh doanh có từ 02 nhà đầu tư quan tâm trở lên.

b) Việc tổ chức lựa chọn nhà thầu của doanh nghiệp Nhà nước

* Phương án 1: Giữ nguyên quy định hiện nay, dự án đầu tư phát triển của doanh nghiệp nhà nước (bao gồm doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng

số cổ phần có quyền biểu quyết) đều thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật đấu thầu và không phân biệt nguồn vốn của dự án.

Phương án này có ưu điểm là giữ sự ổn định của văn bản pháp lý. Tuy nhiên không tạo sự chủ động, linh hoạt cho doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết. Từ đó là giảm hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp Nhà nước.

Bên cạnh đó, việc không có quy định cụ thể để xác định phần vốn nhà nước, vốn của doanh nghiệp nhà nước trong các dự án đầu tư phát triển sẽ gây khó khăn cho chủ đầu tư trong việc xác định dự án có thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu hay không; không bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong việc áp dụng pháp luật.

*** Phương án 2:**

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 2 Luật Đấu thầu để điều chỉnh hoạt động đấu thầu đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo hướng: (i) đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, việc tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện theo quy định như hiện nay; (ii) đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết việc lựa chọn nhà thầu phải tuân thủ theo quy định của Luật Đấu thầu đối với các dự án sử dụng từ 30% vốn nhà nước trở lên trong tổng mức đầu tư của dự án; (iii) bổ sung quy định về cách xác định phần vốn nhà nước, vốn của doanh nghiệp nhà nước trong các dự án đầu tư phát triển.

c) Về nguyên tắc áp dụng Luật Đấu thầu, các Luật có liên quan và điều ước, thỏa thuận quốc tế về ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ

*** Phương án 1:** Giữ nguyên quy định hiện nay, không quy định về nguyên tắc áp dụng luật trong trường hợp pháp luật chuyên ngành có nội dung quy định về hoạt động lựa chọn nhà thầu; chưa có quy định đầy đủ về việc áp dụng luật đối với các dự án sử dụng vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ.

Phương án này có ưu điểm là giữ sự ổn định của văn bản pháp lý. Tuy nhiên không tạo sự thống nhất trong việc áp dụng quy định của pháp luật trong các hoạt động lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; có thể dẫn đến sự mâu thuẫn, chồng chéo giữa Luật Đấu thầu và các Luật chuyên ngành khác.

*** Phương án 2:**

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại các Điều 3 Luật Đấu thầu về nguyên tắc áp dụng Luật Đấu thầu, các Luật có liên quan và điều ước, thỏa thuận quốc tế về

ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ theo hướng: (i) hoạt động đấu thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này phải tuân thủ quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan, trường hợp pháp luật có liên quan có quy định về các trường hợp lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư thì thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan đó nhưng phải bảo đảm không trái với quy định của Luật Đấu thầu; (ii) đối với việc lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư thuộc dự án có sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ thực hiện theo quy định của Hiệp định vay, trường hợp trong Hiệp định vay không quy định cụ thể về hoạt động lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư thì việc lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu.

1.3. Đánh giá tác động của các biện pháp

a) Tác động kinh tế

- Đối với Nhà nước và doanh nghiệp (nhà thầu):

+ Khi sửa đổi Luật Đấu thầu theo hướng quy định cho phù hợp với từng mô hình doanh nghiệp nhà nước theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020 sẽ đáp ứng được mục tiêu vừa quản lý chặt chẽ, có hiệu quả việc triển khai thực hiện các dự án đầu tư phát triển đối với các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, vừa tạo tính chủ động, linh hoạt, tự chịu trách nhiệm của doanh nghiệp khi được giao quản lý, sử dụng vốn và tài sản của nhà nước. Việc sửa đổi Luật Đấu thầu theo hướng giao cho nhà đầu tư là doanh nghiệp nhà nước phải ban hành quy chế lựa chọn nhà thầu sẽ tạo được quyền chủ động, tự chịu trách nhiệm trong việc lựa chọn nhà thầu thực hiện các gói thầu thuộc dự án đầu tư có sử dụng đất của nhà đầu tư được lựa chọn, đồng thời giúp các chủ thể này thực hiện việc lựa chọn nhà thầu một cách tiết kiệm thời gian, chi phí; bảo đảm công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.

+ Việc bổ sung quy định dự án đầu tư kinh doanh (dự án phải tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật xã hội hoá, dự án có từ 02 nhà đầu tư quan tâm thực hiện dự án) thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu sẽ góp phần nâng cao tính cạnh tranh, tính kinh tế và bảo đảm nguồn lực được sử dụng một cách hiệu quả trong quá trình triển khai các dự án đầu tư kinh doanh.

+ Việc quy định về nguyên tắc áp dụng Luật sẽ tạo cơ sở pháp lý để quản lý có hiệu quả, đồng bộ, thống nhất các hoạt động lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, góp phần quản lý chặt chẽ, hiệu quả nguồn vốn nhà nước, vốn của doanh nghiệp nhà nước.

b) Tác động xã hội

- Nhà nước: Góp phần quản lý chặt chẽ, có hiệu quả hơn đối với các hoạt

động mua sắm sử dụng vốn nhà nước, vốn của doanh nghiệp nhà nước, hoạt động lựa chọn nhà đầu tư từ đó làm giảm các bức xúc, dư luận không tốt của xã hội đối với các trường hợp vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Người dân: Dự án xã hội hóa thuộc các lĩnh vực an sinh xã hội (y tế, giáo dục, văn hóa...). Việc bổ sung hoạt động lựa chọn nhà đầu tư đối với nhóm dự án này có thể mang lại lợi ích cho người dân, tái phân bổ các nguồn lực về cho người dân thông qua hoạt động đấu thầu.

c) Tác động về giới

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

d) Tác động về thủ tục hành chính

Chính sách này không làm phát sinh thủ tục hành chính.

đ) Tác động tới hệ thống pháp luật

- Bộ máy nhà nước: Chính sách này không có tác động làm thay đổi bộ máy nhà nước.

- Các điều kiện bảo đảm thi hành: Chính sách này không có tác động tới các điều kiện cần thiết để bảo đảm việc thi hành.

- Phù hợp hệ thống pháp luật: Chính sách này phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành.

- Thực hiện giải pháp này phải tiến hành sửa đổi, bổ sung Luật Đấu thầu. Phát sinh chi phí sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật theo định mức kinh phí xây dựng văn bản quy định tại Điều 5 Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

2. Chính sách 2: Nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác đấu thầu, bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch trong hoạt động đấu thầu

2.1. Xác định vấn đề bất cập

a) Về các hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu

- Theo báo cáo tình hình thực hiện công tác đấu thầu trong thời gian vừa qua, số gói thầu áp dụng chỉ định thầu vẫn chiếm số lượng lớn (khoảng 70% tổng số gói thầu). Theo thông lệ quốc tế và quy định của nhà tài trợ (WB, ADB) thì hạn mức áp dụng chỉ định thầu thường nhỏ và rất hạn chế các trường hợp chỉ định thầu vì hình thức này không có tính cạnh tranh, nặng tính “xin-cho”...

- Luật Đấu thầu đã có quy định về lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt. Theo đó nếu gói thầu xuất hiện các yếu tố đặc thù, riêng biệt mà không thể áp dụng các hình thức LCNT khác như đấu thầu, chỉ định thầu, chào hàng cạnh tranh... thì người có thẩm quyền xây dựng phương án lựa chọn nhà thầu, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định. Tuy nhiên, Luật Đấu thầu chưa có quy định cụ thể về trình tự, thủ tục xây dựng phương án, trình, thẩm định, phê duyệt phương án lựa chọn nhà thầu.

- Đối với mua sắm tập trung, Luật Đấu thầu hiện hành quy định khi mua sắm tập trung phải tiến hành đấu thầu rộng rãi. Tuy nhiên, trong thực tế, ngoài việc áp dụng đấu thầu rộng rãi (là hình thức chủ yếu) thì trong một số trường hợp có thể áp dụng đấu thầu hạn chế, mua sắm trực tiếp để có thể lựa chọn được ngay các nhà thầu có năng lực, uy tín hoặc mua sắm được ngay các hàng hóa có chất lượng tốt, giá cả cạnh tranh, từ đó nâng cao hơn nữa hiệu quả của mua sắm tập trung.

- Đối với quy định về phương thức lựa chọn nhà thầu, Luật Đấu thầu hiện hành quy định các gói thầu xây lắp, mua sắm hàng hóa, phi tư vấn không phải quy mô nhỏ phải áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ. Tuy nhiên, trong thực tế xuất hiện một số chủ đầu tư lợi dụng việc áp dụng phương thức này để loại bỏ nhà thầu ngay trong bước đánh giá về kỹ thuật, đến bước đánh giá về tài chính thì chỉ còn lại duy nhất một nhà thầu, có thể dẫn đến không bảo đảm tính minh bạch, hiệu quả kinh tế.

b) Về phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu áp dụng trong lựa chọn nhà đầu tư

Luật Đấu thầu chỉ quy định về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất. Do vậy, phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu đối với các dự án này chỉ chú trọng đến việc khai thác, phân bổ địa tô trong quá trình thực hiện, không phù hợp với nhóm dự án đấu thầu theo pháp luật chuyên ngành, xã hội hóa, dự án có từ hai nhà đầu tư quan tâm trở lên. Các phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu tương ứng với dự án PPP hiện đang quy định tại Luật Đấu thầu cũng không còn phù hợp.

c) Về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu

- Luật Đấu thầu chỉ quy định đánh giá về tính bảo đảm cạnh tranh từ thời điểm đóng thầu, dẫn đến một số trường hợp nhà thầu tham dự thầu xây lắp (là Tổng công ty), có Công ty con đã từng thực hiện hoạt động tư vấn cho gói thầu xây lắp mà Tổng công ty tham dự thầu, đến trước thời điểm đóng thầu, Tổng công ty quyết định rút hết vốn góp ở Công ty con. Do đó, việc bổ sung quy định về xác định thời điểm đánh giá tính độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa các chủ thể tham gia trực tiếp hoặc có liên quan đến hoạt động lựa chọn

nhà thầu sẽ góp phần nâng cao tính công bằng, nhà thầu không thể tạo lợi thế cho mình thông qua việc rút vốn ở các Công ty con trước đây đã từng thực hiện công tác tư vấn cho gói thầu mà nhà thầu tham dự thầu nhằm nâng cao tính cạnh tranh trong đấu thầu.

- Luật Đấu thầu quy định nhà thầu tham dự thầu và chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu tư vấn không được có cổ phần, vốn góp của nhau nhưng không quy định rõ cổ phần, vốn góp ghi trong đăng ký thành lập và hoạt động của doanh nghiệp dẫn đến có thể xảy ra vướng mắc đối với các nhà thầu là công ty đại chúng đã niêm yết trên sàn chứng khoán (nhà đầu tư chứng khoán, không có liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp nhưng lại sở hữu cổ phiếu của doanh nghiệp). Do đó, việc bổ sung quy định xác định tính độc lập về pháp lý, độc lập về tài chính giữa nhà thầu, các tổ chức, cá nhân sở hữu cổ phiếu của nhà thầu với chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu tư vấn đối với trường hợp nhà thầu là công ty đại chúng, đã niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán sẽ góp phần vừa bảo đảm tính cạnh tranh, bảo đảm quyền, lợi ích của nhà thầu tham dự thầu và các nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu của nhà thầu.

d) Về hình thức và nội dung hợp đồng áp dụng trong lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư

- Luật Đấu thầu quy định hợp đồng trọn gói là loại hợp đồng cơ bản, các gói thầu xây lắp, mua sắm hàng hóa quy mô nhỏ (hợp đồng xây lắp không quá 20 tỷ đồng, hợp đồng mua sắm hàng hóa không quá 10 tỷ đồng) phải áp dụng hình thức trọn gói. Quy định như nêu trên không phù hợp với thông lệ quốc tế, quy định của nhà tài trợ và thực tế. Trong thực tế, nhiều gói thầu xây lắp có phần công trình ngầm, gói thầu mua sắm hàng hóa, vật tư y tế, thuốc chữa bệnh... không thể xác định được chính xác số lượng, khối lượng tại thời điểm đấu thầu. Do đó, trong trường hợp này, việc bắt buộc phải áp dụng loại hợp đồng trọn gói là không phù hợp.

- Quy định về hợp đồng trong Luật Đấu thầu còn sơ sài, chưa bao quát hết các nội dung cần thiết phải thỏa thuận, cam kết giữa chủ đầu tư và nhà thầu. Do đó, việc bổ sung các quy định về hợp đồng cho đầy đủ, đồng bộ, thống nhất sẽ góp phần nâng cao tính công bằng, thể hiện rõ hơn vai trò của chủ đầu tư và nhà thầu trong mối quan hệ dân sự-kinh tế.

- Luật Đấu thầu chỉ quy định căn cứ, điều kiện, bảo đảm thực hiện hợp đồng trong lựa chọn nhà đầu tư dự án có sử dụng đất. Do vậy, trường hợp bổ sung các dự án phải đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật xã hội hóa vào phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu thì cần bổ sung quy định về hợp đồng áp dụng đối với các dự án này trên cơ sở luật hóa các quy định đã được áp dụng ổn định tại cấp Nghị định và bổ sung nội

dung tương ứng phù hợp với đặc thù yêu cầu thực hiện dự án xã hội hóa, chuyên ngành, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với quy định của pháp luật về đấu thầu, đầu tư, đất đai và pháp luật liên quan.

2.2. Đề xuất biện pháp giải quyết

a) Về các hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu

* Phương án 1: Giữ nguyên quy định hiện nay, không có quy định hạn chế việc áp dụng chỉ định thầu; không có quy định về trình tự, thủ tục thực hiện đối với việc áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt; giữa nguyên quy định chỉ áp dụng; giữ nguyên quy định về việc áp dụng phương thức lựa chọn nhà thầu.

Phương án này có ưu điểm là giữ sự ổn định của văn bản pháp lý. Tuy nhiên không góp phần làm giảm các trường hợp áp dụng chỉ định thầu, không làm tăng tính cạnh tranh, hiệu quả của việc lựa chọn nhà thầu, đặc biệt đối với mua sắm tập trung.

* Phương án 2:

- Sửa đổi, bổ sung các Điều 20, 21, 22, 23, 24, 24 Luật Đấu thầu theo hướng quy định cụ thể hơn từng hình thức lựa chọn nhà thầu, điều kiện áp dụng, đặc biệt là hình thức chỉ định thầu, trong đó cần cụ thể hóa những quy định mang tính nguyên tắc trong Luật để hạn chế việc áp dụng hình thức này, đồng thời tăng cường áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu có tính cạnh tranh cao (như: chào hành cạnh tranh, đấu thầu rộng rãi...); quy định cụ thể hơn về điều kiện áp dụng và quy trình thực hiện đối với hình thức mua sắm trực tiếp, tự thực hiện.

- Sửa đổi, bổ sung nội dung tại Điều 26 Luật Đấu thầu theo hướng quy định về nguyên tắc áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt, thẩm quyền quyết định áp dụng, trình tự, thủ tục thực hiện và giao Chính phủ quy định chi tiết.

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 44 Luật Đấu thầu theo hướng đối với mua sắm tập trung, ngoài hình thức đấu thầu rộng rãi thì có thể áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu khác để tận dụng lợi thế về mua sắm với quy mô lớn.

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại các Điều 28, 29, 30, 31 về phương thức lựa chọn nhà thầu theo hướng cụ thể, chi tiết, khoa học hơn về điều kiện áp dụng, quy trình chung đối với từng phương thức, đặc biệt là đối với phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ.

b) Về phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu áp dụng trong lựa chọn nhà đầu tư

* Phương án 1: Giữ nguyên quy định hiện nay, phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu trong lựa chọn nhà đầu tư gồm 04 phương pháp: phương pháp đánh giá dựa trên giá dịch vụ; phương pháp đánh giá dựa trên phần vốn góp của Nhà nước; phương pháp lợi ích xã hội, lợi ích nhà nước và phương pháp kết hợp.

Phương pháp này không còn phù hợp với thực tế phát triển của pháp luật hiện hành cũng như thực tiễn hiện nay. Cụ thể, phương pháp đánh giá dựa trên giá dịch vụ và phương pháp đánh giá dựa trên phần vốn góp của Nhà nước chỉ phù hợp với dự án đầu tư PPP và hiện đã được quy định trong Luật PPP.

* Phương án 2: Sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 58 về phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu trong lựa chọn nhà đầu tư theo hướng hoàn thiện phương pháp lợi ích xã hội, lợi ích nhà nước; đồng thời lược bỏ phương pháp đánh giá dựa trên giá dịch vụ và phương pháp đánh giá dựa trên phần vốn góp của Nhà nước.

Phương án này có ưu điểm là tạo đồng bộ với pháp luật hiện hành, cũng phù hợp với thực tiễn triển khai. Qua đó, việc hoàn thiện phương pháp lợi ích xã hội, lợi ích Nhà nước hướng tới gia tăng tính cạnh tranh trong lựa chọn nhà đầu tư, mang lại hiệu quả tối đa cho Nhà nước về mặt kinh tế cũng như xã hội. Trường hợp bổ sung các dự án phải đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật xã hội hóa vào phạm vi điều chỉnh của Luật Đấu thầu thì cần bổ sung, hoàn thiện các tiêu chí đánh giá khác phù hợp với yêu cầu, điều kiện phát triển của từng lĩnh vực và có tính đến đặc thù trong chính sách khuyến khích xã hội hóa đầu tư trong một số lĩnh vực.

c) Về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu

* Phương án 1: Giữ nguyên quy định hiện nay. Phương án này có ưu điểm là giữ sự ổn định của văn bản pháp lý. Tuy nhiên không góp phần làm tăng tính cạnh tranh trong đấu thầu.

* Phương án 2:

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 6 Luật Đấu thầu về bảo đảm cạnh tranh theo hướng không chỉ áp dụng giữa tổ chức với tổ chức mà còn áp dụng giữa cá nhân (là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu) với nhà thầu, chủ đầu tư, bên mời thầu nhằm bảo đảm bình đẳng trong đấu thầu; bổ sung quy định về thời điểm xác định tính độc lập về pháp lý, độc lập về tài chính giữa các chủ thể tham gia trực tiếp vào hoạt động lựa chọn nhà thầu.

- Bổ sung quy định về bảo đảm cạnh tranh đối với trường hợp nhà thầu là doanh nghiệp đại chúng đã niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán.

d) Về hình thức và nội dung hợp đồng áp dụng trong lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại các Điều 62, 63, 64, 65, 66, 67 Luật Đấu thầu về hợp đồng đối với lựa chọn nhà thầu theo hướng: (i) quy định điều kiện áp dụng từng loại hợp đồng theo hướng tùy thuộc vào quy mô, tính chất, điều kiện cụ thể của từng loại gói thầu mà chủ đầu tư, người có thẩm quyền lựa chọn áp dụng loại hợp đồng phù hợp; quy định cụ thể, tách bạch giữa các trường hợp điều chỉnh hợp đồng và điều chỉnh giá hợp đồng; bổ sung các quy định khác liên quan của hợp đồng như tạm ứng, thanh toán, nghiệm thu, thanh lý, trách nhiệm của các bên tham gia hợp đồng...

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại các Điều 69, 70, 71, 72 Luật Đấu thầu về hợp đồng đối với lựa chọn nhà thầu theo hướng nâng cấp quy định đã được áp dụng ổn định tại cấp Nghị định đối với dự án đầu tư có sử dụng đất; đồng thời bổ sung một số quy định: (i) về nguyên tắc, trường hợp điều chỉnh hợp đồng, bảo đảm đồng bộ với quy định điều chỉnh dự án đầu tư theo pháp luật về đầu tư; (ii) về hình thức, nội dung văn bản thỏa thuận/hợp đồng nguyên tắc đối với dự án phải đấu thầu lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật về xã hội hóa.

Việc nâng cấp các quy định đã được áp dụng ổn định tại cấp Nghị định và bổ sung nội dung tương ứng cho dự án xã hội hóa, chuyên ngành như Phương án 2 là cần thiết, bảo đảm thống nhất, đồng bộ của pháp luật về đấu thầu, đầu tư, đất đai và pháp luật liên quan.

2.3. Đánh giá tác động của các biện pháp

a) Tác động kinh tế

- Đối với Nhà nước và doanh nghiệp (nhà thầu):

+ Việc quy định cụ thể các hình thức lựa chọn nhà thầu và điều kiện áp dụng của từng hình thức, đặc biệt là chỉ định thầu sẽ tạo thuận lợi cho các bên trong đấu thầu trong quá trình áp dụng quy định của pháp luật. Từ đó, góp phần hạn chế theo hướng thu hẹp việc áp dụng hình thức đấu thầu kém cạnh tranh là chỉ định thầu đồng thời tăng cường việc áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu khác nhằm tăng cường tính cạnh tranh, minh bạch trong đấu thầu, nâng cao hiệu quả của công tác đấu thầu.

+ Việc hoàn thiện phương pháp lợi ích xã hội, lợi ích nhà nước, trong đó lồng ghép các yếu tố hiệu quả kinh tế, điều kiện tái phân bổ các nguồn lực trong quá trình đấu thầu sẽ góp phần thúc đẩy kinh tế.

+ Việc sửa đổi, bổ sung các quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu sẽ hạn chế sự thông đồng của các chủ thể có quan hệ về pháp lý và tài chính với nhau để tạo lập một “sân chơi” bình đẳng trong đấu thầu nhằm mục tiêu đạt

được hiệu quả của công tác đấu thầu, bảo đảm được quy luật cạnh tranh theo cơ chế thị trường.

+ Việc sửa đổi, bổ sung các quy định về hợp đồng, đặc biệt là đối với hợp đồng trọn gói sẽ tạo sự phù hợp, thống nhất giữa quy định của pháp luật đấu thầu với pháp luật xây dựng; phù hợp với đòi hỏi của thực tiễn; phù hợp với thông lệ quốc tế. Việc sửa đổi, bổ sung các quy định về hợp đồng góp phần giải quyết được các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, không làm phát sinh chi phí liên quan đến yêu cầu hướng dẫn thực hiện pháp luật về đấu thầu của các bên liên quan trong đấu thầu cũng như chi phí để xử lý tình huống, giải quyết những vấn đề phát sinh chưa được Luật quy định. Ngoài ra, việc sửa đổi, bổ sung nêu trên sẽ tăng cường trách nhiệm của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng và chủ đầu tư trong quản lý, giám sát quá trình thực hiện hợp đồng.

- Đối với người dân: Chính sách tăng cường hiệu lực, hiệu quả trong việc thực thi pháp luật về đấu thầu sẽ giúp nâng cao hiệu quả thực hiện công tác đấu thầu, từ đó nâng cao hiệu quả sử dụng các công trình, dịch vụ, góp phần tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân.

b) Tác động xã hội

- Nhà nước: Góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hoạt động đấu thầu, từ đó làm giảm các bức xúc, dư luận không tốt của xã hội đối với các trường hợp vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu. Góp phần tăng hiệu quả quản lý nhà nước trong quá trình triển khai dự án đầu tư kinh doanh nói chung (bao gồm cả giai đoạn sau đấu thầu – quản lý hợp đồng) và lựa chọn nhà đầu tư nói riêng, tạo môi trường cạnh tranh, minh bạch.

- Người dân: Việc hoàn thiện phương pháp lợi ích xã hội, lợi ích nhà nước, trong đó lồng ghép các yếu tố hiệu quả xã hội, hướng tới nhóm dự án an sinh xã hội. Do đó, người dân được xem là đối tượng hưởng lợi chủ yếu.

c) Tác động về giới

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

d) Tác động về thủ tục hành chính

Chính sách này không làm phát sinh cách thủ tục hành chính.

đ) Tác động tới hệ thống pháp luật

- Bộ máy nhà nước: Chính sách này không có tác động làm thay đổi bộ máy nhà nước.

- Các điều kiện bảo đảm thi hành: Chính sách này không có tác động tới các điều kiện cần thiết để bảo đảm việc thi hành.

- Phù hợp hệ thống pháp luật: Chính sách này phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành.

- Thực hiện giải pháp này phải tiến hành sửa đổi, bổ sung Luật Đấu thầu. Phát sinh chi phí sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật theo định mức kinh phí xây dựng văn bản quy định tại Điều 5 Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

3. Chính sách 3: Tiếp tục đơn giản hóa quy trình, thủ tục thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, cắt giảm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp.

3.1. Xác định vấn đề bất cập

a) Về quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu

Việc sửa đổi, bổ sung quy trình chung trong đấu thầu theo hướng đơn giản hóa các thủ tục hành chính, giảm bớt thời gian của các khâu trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư, đẩy mạnh đấu thầu qua mạng sẽ giúp nâng cao tính minh bạch, công khai thông tin, giảm thiểu thủ tục hành chính để tránh gây phiền hà, giảm những nhiễu của cán bộ ở cơ quan công quyền đối với doanh nghiệp, người dân, góp phần tích cực trong việc cải thiện đáng kể môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh, bảo vệ tốt hơn quyền, lợi ích hợp pháp của người dân và doanh nghiệp.

b) Về quy trình, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư

Đối với dự án đầu tư có sử dụng đất nói riêng và dự án đầu tư kinh doanh nói chung, Luật Đầu tư 2020 đã quy định một số nội dung để tạo tính liên kết giữa thủ tục đầu tư và thủ tục đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Tuy nhiên, pháp luật về đấu thầu mới chỉ quy định nội dung tương ứng ở cấp Nghị định, tạo khoảng trống pháp luật ở cấp Luật.

c) Về thời gian trong đấu thầu

Hiện nay, Luật Đấu thầu đã quy định từng mốc thời gian cụ thể cho từng hoạt động lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư (thời gian phê duyệt, đánh giá, thẩm định...), tuy nhiên lại chưa có chế tài xử lý trong trường hợp các chủ thể không tuân thủ theo đúng thời gian quy định. Thực tế, có những gói thầu, dự án lớn, phức tạp, phải xử lý tình huống kéo dài thì khoảng thời gian quy định trong Luật là không phù hợp.

3.2. Đề xuất biện pháp giải quyết

a) Về quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu:

* Phương án 1: Giữ nguyên quy định hiện nay. Phương án này có ưu điểm là giữ sự ổn định của văn bản pháp lý. Tuy nhiên không góp phần làm đơn giản hóa các thủ tục trong đấu thầu, kéo dài thời gian thực hiện hoạt động lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; không thúc đẩy áp dụng đấu thầu qua mạng, ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư gây ảnh hưởng đến tiến độ, hiệu quả của dự án, gói thầu.

* Phương án 2:

Sửa đổi, bổ sung nội dung các Điều 34, 35, 36, 37, 38 Luật Đấu thầu về quy trình tổ chức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư theo hướng:

- Cho phép thực hiện các hoạt động lập, phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, xác định danh sách ngắn trước khi dự án được phê duyệt (hành động trước) để tiết kiệm thời gian thực hiện dự án, đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn.

- Lược bỏ việc thẩm định, phê duyệt ở các bước trung gian như: thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu; bổ sung quy định về quy trình lựa chọn nhà thầu cụ thể tương ứng với từng hình thức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; bổ sung các nguyên tắc về đấu thầu cho phù hợp với thông lệ quốc tế; sửa đổi, bổ sung quy định về phân cấp phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho chủ đầu tư thay vì người có thẩm quyền như hiện nay; bổ sung quy định cơ quan quản lý về đấu thầu tại các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp chịu trách nhiệm xem xét sự phù hợp của hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu trước khi phát hành.

- Tối đa hóa việc thực hiện các thủ tục đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (như: kê khai về năng lực, kinh nghiệm để tạo cơ sở dữ liệu đồng bộ, thống nhất về nhà thầu, nhà đầu tư; thẩm định, phê duyệt các hồ sơ trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; thực hiện bảo lãnh dự thầu online, đánh giá hồ sơ dự thầu tự động; ký kết, quản lý hợp đồng online...); lựa chọn danh sách các nhà cung cấp kèm theo danh mục hàng hóa và các điều khoản về kỹ thuật, giao hàng, bảo hành, bảo trì để công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, làm cơ sở để các cơ quan có nhu cầu mua sắm tiến hành đàm phán, ký kết hợp đồng ngay với nhà cung cấp mà không cần phải tổ chức đấu thầu, gây mất thời gian, làm giảm hiệu quả của công tác mua sắm...

- Bổ sung các quy định về Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và quy trình thực hiện mua sắm thông qua các tính năng của Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia như shopping online, e-catalog...

b) Về quy trình, thủ tục lựa chọn nhà đầu tư

* Phương án 1: Giữ nguyên quy định hiện nay, chỉ quy định nội dung này ở cấp Nghị định.

* Phương án 2: Nâng cấp quy định này ở cấp Luật, trong đó:

- Tích hợp thủ tục đầu tư theo pháp luật về đầu tư và thủ tục lựa chọn nhà đầu tư theo pháp luật về đấu thầu; trong đó, lồng ghép việc công bố thông tin dự án đầu tư (gồm dự án đầu tư có sử dụng đất và dự án phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật về xã hội hóa) với quy trình đánh giá năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư.

- Tích hợp thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư vào quyết định phê duyệt kết quả đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm nhà đầu tư. Theo đó, tại quyết định này, cấp có thẩm quyền xác định và phê duyệt hình thức đấu thầu, tên bên mời thầu, thời gian tổ chức đấu thầu làm cơ sở để tổ chức lựa chọn nhà đầu tư.

c) Về thời gian trong đấu thầu

* Phương án 1: Giữ nguyên quy định hiện nay. Phương án này có ưu điểm là giữ sự ổn định của văn bản pháp lý. Tuy nhiên không góp phần làm giảm thời gian thực hiện hoạt động lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; không phù hợp đối với các tính năng mới của Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

* Phương án 2:

Sửa đổi, bổ sung các quy định về thời gian lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư theo hướng cắt giảm thời gian thực hiện một số khâu, đồng thời bảo đảm tương thích với các tính năng của Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, bao gồm:

- Bỏ quy định về thời gian thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu; điều chỉnh các mốc thời gian cho phù hợp đối với một số công việc do được thực hiện trực tiếp trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

- Quy định thống nhất, cụ thể các mốc thời gian cho từng chủ thể tham gia vào quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư nhằm tiết kiệm thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư nhưng vẫn bảo đảm các mục tiêu cơ bản của công tác đấu thầu.

3.3. Đánh giá tác động của các biện pháp

a) Tác động kinh tế

- Đối với Nhà nước và doanh nghiệp (nhà thầu):

+ Khi sửa đổi Luật Đấu thầu theo hướng sửa đổi, bổ sung quy trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư cho phù hợp sẽ đáp ứng được mục tiêu vừa quản lý chặt chẽ, có hiệu quả hoạt động đấu thầu, vừa tạo tính chủ động, linh hoạt, tự

chịu trách nhiệm cho các chủ thể tham gia trực tiếp vào hoạt động đấu thầu, góp phần tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả của công tác đấu thầu.

+ Việc sửa đổi, bổ sung các quy định về thời gian trong đấu thầu sẽ góp phần làm giảm thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; tăng cường trách nhiệm của các người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu, tổ chuyên gia, tổ thẩm định trong việc thực hiện các trách nhiệm của mình theo đúng mức thời gian quy định trong Luật. Việc tiết kiệm được thời gian trong đấu thầu sẽ mang lại hiệu quả kinh tế thông qua việc đưa dự án, gói thầu vào khai thác, sử dụng sớm; tiết kiệm được chi phí cho các bên tham gia trực tiếp vào quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư như chi phí lương chuyên gia đấu thầu, chi phí gia hạn bảo lãnh trong những trường hợp thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu kéo dài do lỗi chủ quan của bên mời thầu...

+ Việc quy định cụ thể các hình thức lựa chọn nhà thầu và điều kiện áp dụng của từng hình thức, đặc biệt là chỉ định thầu sẽ tạo thuận lợi cho các bên trong đấu thầu trong quá trình áp dụng quy định của pháp luật. Từ đó, góp phần hạn chế theo hướng thu hẹp việc áp dụng hình thức đấu thầu kém cạnh tranh là chỉ định thầu đồng thời tăng cường việc áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu khác nhằm tăng cường tính cạnh tranh, minh bạch trong đấu thầu, nâng cao hiệu quả của công tác đấu thầu.

- Đối với người dân: Chính sách này sẽ giúp nâng cao hiệu quả thực hiện công tác đấu thầu, từ đó nâng cao hiệu quả sử dụng các công trình, dịch vụ, góp phần tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân.

b) Tác động xã hội

- Nhà nước: Góp phần quản lý chặt chẽ, có hiệu quả hơn đối với các hoạt động đấu thầu.

- Người dân: Chính sách này không có tác động trực tiếp đến người dân.

c) Tác động về giới

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

d) Tác động về thủ tục hành chính

Chính sách này giúp tiết kiệm được thời gian, giảm thiểu các thủ tục hành chính cho tất cả các chủ thể tham gia vào quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.

đ) Tác động tới hệ thống pháp luật

- Bộ máy nhà nước: Chính sách này không có tác động làm thay đổi bộ máy nhà nước.

- Các điều kiện bảo đảm thi hành: Chính sách này không có tác động tới các điều kiện cần thiết để bảo đảm việc thi hành.

- Phù hợp hệ thống pháp luật: Chính sách này phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành.

- Thực hiện giải pháp này phải tiến hành sửa đổi, bổ sung Luật Đấu thầu. Phát sinh chi phí sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật theo định mức kinh phí xây dựng văn bản quy định tại Điều 5 Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

4. Chính sách 4: Thúc đẩy sản xuất trong nước và mua sắm các sản phẩm đổi mới sáng tạo, mua sắm xanh nhằm mục tiêu phát triển bền vững, tạo công ăn việc làm cho nhóm lao động yếu thế

4.1. Xác định vấn đề bất cập

a) Chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ; hỗ trợ, ưu tiên và thúc đẩy mua sắm hàng hóa sản xuất trong nước thay thế hàng nhập khẩu, mua sắm sản phẩm đổi mới sáng tạo sẽ tạo động lực cho các doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ phát triển; thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư dây chuyền, công nghệ để sản xuất hàng hóa thay thế hàng nhập khẩu; thúc đẩy doanh nghiệp thực hiện nghiên cứu, đầu tư, kinh doanh các ý tưởng khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo góp phần lan tỏa tinh thần đổi mới sáng tạo trong cộng đồng các doanh nghiệp Việt Nam, hình thành nên các doanh nghiệp Việt Nam trẻ, năng động, sáng tạo, bắt kịp với Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và xu thế phát triển các mô hình kinh doanh trên thế giới.

Việc ưu đãi cho hàng hóa, doanh nghiệp trong nước sẽ thúc đẩy hơn nữa sự phát triển của cộng đồng doanh nghiệp, từ đó làm tăng quy mô cũng như sự phát triển chung của nền kinh tế, góp phần quan trọng trong việc khuyến khích sản xuất địa phương để tiêu thụ nội địa; sản xuất hàng hóa trong nước để thay thế nhập khẩu sẽ làm giảm nhu cầu ngoại hối, kích thích sự đổi mới và làm cho đất nước tự chủ trong các lĩnh vực quan trọng như an ninh, quốc phòng, công nghệ tiên tiến... nhằm thực hiện được kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng.

b) Chính sách mua sắm xanh nhằm mục tiêu phát triển bền vững sẽ góp phần thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới công nghệ, áp dụng quy trình quản lý, vận hành tiên tiến bảo đảm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả... Phát triển “mua sắm xanh” sẽ kích thích tăng số lượng và chất lượng các sản phẩm và dịch

vụ thân thiện môi trường. “Mua sắm xanh” thúc đẩy quá trình tái chế các chất thải, từ việc thu gom, phân loại cho tới sản xuất và phát triển thị trường sử dụng các sản phẩm tái chế.

Bên cạnh đó, quy định về mua sắm xanh sẽ góp phần giảm thiểu sử dụng năng lượng và tài nguyên thiên nhiên; phát triển các sản phẩm mới, thân thiện với môi trường hơn; kích thích hình thành thị trường mới đối với vật liệu tái chế và gia tăng việc làm; nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường; tiết kiệm chi phí mua sắm và sử dụng; tuân thủ các quy định pháp luật về môi trường do mua các sản phẩm/dịch vụ xanh sẽ giảm nguy cơ thải các hóa chất độc hại vào đất, không khí và nước. Đây là nội dung quan trọng của phát triển bền vững, bảo đảm phát triển kinh tế nhanh, hiệu quả, bền vững và góp phần quan trọng trong việc thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu.

c) Chính sách ưu tiên, ưu đãi cho nhà thầu là các doanh nghiệp có sử dụng lao động thuộc nhóm yếu thế (phụ nữ, thương binh, người khuyết tật) và hàng hóa được sản xuất bởi nhóm yếu thế sẽ góp phần tạo công ăn việc làm cho phụ nữ, thương binh, người khuyết tật; tạo công bằng xã hội và góp phần nâng cao đời sống của nhóm lao động yếu thế.

4.2. Đề xuất biện pháp giải quyết

a) Về thúc đẩy sản xuất trong nước, mua sắm các sản phẩm đổi mới sáng tạo

* Phương án 1: Giữ nguyên quy định hiện nay. Phương án này có ưu điểm là giữ sự ổn định của văn bản pháp lý. Tuy nhiên, hiện Luật Đấu thầu mới chỉ có quy định chung về ưu đãi cho hàng hóa có tỷ lệ nội địa hóa trên 25%, nhà thầu là doanh nghiệp cấp nhỏ, siêu nhỏ; chưa có quy định về ưu đãi, mua sắm đối với hàng hóa là sản phẩm đổi mới sáng tạo, hàng hóa sản xuất trong nước thay thế hàng nhập khẩu. Do đó chưa thực sự tạo cơ chế ưu tiên, ưu đãi để góp phần thúc đẩy sản xuất trong nước, thúc đẩy nghiên cứu đổi mới sáng tạo.

* Phương án 2:

- Bổ sung quy định cụ thể về cách tính ưu tiên, ưu đãi đối với các loại hàng hóa này so với hàng hóa nhập khẩu hoặc hàng hóa có tỷ lệ nội địa hóa thấp. Theo đó, nhà thầu chào các loại hàng hóa có tỷ lệ nội địa hóa lớn sẽ được ưu tiên; các hàng hóa có tỷ lệ nội địa hóa cao sẽ được ưu tiên sử dụng để thay thế cho hàng nhập khẩu.

- Sửa đổi, bổ sung các quy định để áp dụng ưu tiên, ưu đãi với doanh nghiệp cấp nhỏ, siêu nhỏ hoạt động trong tất cả các lĩnh vực xây lắp, cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho phù hợp với quy mô và ngành nghề sản xuất, kinh doanh hiện nay của doanh nghiệp cấp nhỏ, siêu nhỏ.

- Bổ sung quy định về quy trình, thủ tục, năng lực, kinh nghiệm đối với nhà thầu sản xuất, cung cấp các sản phẩm đổi mới sáng tạo, điều kiện mua sắm hàng hóa, dịch vụ là các sản phẩm đổi mới, sáng tạo. Bổ sung quy định ưu tiên sử dụng các sản phẩm đổi mới sáng tạo để thay thế hàng nhập khẩu.

b) Về mua sắm xanh nhằm mục tiêu phát triển bền vững

* Phương án 1: Giữ nguyên quy định hiện nay. Phương án này có ưu điểm là giữ sự ổn định của văn bản pháp lý. Tuy nhiên, hiện Luật Đấu thầu chưa có quy định về mua sắm xanh, do đó chưa có quy định, cơ chế để khuyến khích mua sắm các sản phẩm phải thân thiện với môi trường, ít phát thải, tiêu hao ít năng lượng... hướng tới một nền kinh tế xanh.

* Phương án 2:

- Bổ sung quy định mới về mua sắm xanh nhằm thực hiện mục tiêu phát triển bền vững, tăng trưởng xanh.

- Bổ sung quy định về lộ trình bắt buộc các chủ đầu tư khi thực hiện mua sắm phải xem xét và đặt yêu cầu về sản phẩm, dịch vụ cho nhà cung ứng dịch vụ (VD: yêu cầu các sản phẩm phải thân thiện với môi trường, ít phát thải, tiêu hao ít năng lượng... hướng tới một nền kinh tế xanh).

c) Về ưu đãi cho hàng hóa, dịch vụ được sản xuất, cung cấp bởi các nhóm yếu thế trong xã hội

* Phương án 1: Giữ nguyên quy định hiện nay. Phương án này có ưu điểm là giữ sự ổn định của văn bản pháp lý. Tuy nhiên, hiện Luật Đấu thầu mới chỉ có quy định mang tính nguyên tắc về ưu đãi cho doanh nghiệp có sử dụng trên 25% số lao động là nữ giới, thương binh, người khuyết tật nhưng chưa có quy định cụ thể về cơ chế ưu đãi cho phù hợp đối với từng loại đối tượng. Mặt khác, số lượng doanh nghiệp có sử dụng trên 25% số lao động là nữ giới, thương binh, người khuyết tật tham gia trực tiếp vào hoạt động đấu thầu không nhiều, do đó chính sách này chưa đạt được hiệu quả trong thực tiễn.

* Phương án 2:

Bổ sung quy định mới về ưu tiên, ưu đãi cho nhà thầu là các doanh nghiệp có sử dụng lao động thuộc nhóm yếu thế (phụ nữ, thương binh, người khuyết tật) và hàng hóa được sản xuất bởi nhóm yếu thế theo hướng thực chất, hiệu quả hơn; cụ thể là:

- Xây dựng danh mục hàng hóa, dịch vụ mà nhóm yếu thế đang cung cấp trên thị trường;

- Quy định bắt buộc các chủ đầu tư phải sử dụng hàng hóa, dịch vụ được cung cấp bởi nhóm yếu thế với lộ trình phù hợp, dành một khoản kinh phí nhất

định cho mua sắm hàng hóa, dịch vụ từ nhóm yếu thế...

4.3. Đánh giá tác động của các biện pháp

a) Tác động kinh tế

- Đối với Nhà nước:

+ Các chính sách ưu đãi sẽ thúc đẩy sự phát triển của cộng đồng doanh nghiệp, từ đó làm tăng quy mô cũng như sự phát triển chung của nền kinh tế. Việc thúc đẩy sản xuất trong nước, thúc đẩy nghiên cứu đổi mới sáng tạo, ưu tiên cho doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ sẽ góp phần quan trọng trong việc khuyến khích sản xuất địa phương để tiêu thụ nội địa, hơn là sản xuất cho thị trường xuất khẩu; sản xuất hàng hóa trong nước để thay thế nhập khẩu sẽ tạo việc làm, giảm nhu cầu ngoại hối, kích thích sự đổi mới, và làm cho đất nước tự chủ trong các lĩnh vực quan trọng như thực phẩm, quốc phòng và công nghệ tiên tiến... nhằm thực hiện được kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng.

+ Chính sách về mua sắm xanh sẽ góp phần giảm thiểu sử dụng năng lượng và tài nguyên thiên nhiên; phát triển các sản phẩm mới, thân thiện với môi trường hơn; kích thích hình thành thị trường mới đối với vật liệu tái chế và gia tăng việc làm; nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường; tiết kiệm chi phí mua sắm và sử dụng; tuân thủ các quy định pháp luật về môi trường do mua các sản phẩm/dịch vụ xanh sẽ giảm nguy cơ thải các hóa chất độc hại vào đất, không khí và nước. Đây là nội dung quan trọng của phát triển bền vững, bảo đảm phát triển kinh tế nhanh, hiệu quả, bền vững và góp phần quan trọng trong việc thực hiện Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu.

- Đối với doanh nghiệp (nhà thầu):

+ Chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ; hỗ trợ, ưu tiên và thúc đẩy mua sắm hàng hóa sản xuất trong nước thay thế hàng nhập khẩu, mua sắm sản phẩm đổi mới sáng tạo sẽ tạo động lực cho các doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ phát triển; thúc đẩy doanh nghiệp đầu tư dây chuyền, công nghệ để sản xuất hàng hóa thay thế hàng nhập khẩu; thúc đẩy doanh nghiệp thực hiện nghiên cứu, đầu tư, kinh doanh các ý tưởng khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo góp phần lan tỏa tinh thần đổi mới sáng tạo trong cộng đồng các doanh nghiệp Việt Nam, hình thành nên các doanh nghiệp Việt Nam trẻ, năng động, sáng tạo, bắt kịp với Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và xu thế phát triển các mô hình kinh doanh trên thế giới.

+ Chính sách ưu đãi cho hàng hóa, dịch vụ được sản xuất, cung cấp bởi các nhóm yếu thế trong xã hội sẽ góp phần thúc đẩy doanh nghiệp tăng cường sử

dụng lao động thuộc nhóm yếu thế, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp này phát triển.

+ Chính sách mua sắm xanh nhằm mục tiêu phát triển bền vững sẽ góp phần thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới công nghệ, áp dụng quy trình quản lý, vận hành tiên tiến bảo đảm sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả... Phát triển “mua sắm xanh” sẽ kích thích tăng số lượng và chất lượng các sản phẩm và dịch vụ thân thiện môi trường. “Mua sắm xanh” thúc đẩy quá trình tái chế các chất thải, từ việc thu gom, phân loại cho tới sản xuất và phát triển thị trường sử dụng các sản phẩm tái chế, vì thế không chỉ làm người tiêu dùng (bao gồm cả tổ chức và cá nhân) tiết kiệm được tiền bạc mà còn góp phần bảo vệ môi trường sạch và an toàn hơn.

- Đối với người dân: Các chính sách về mua sắm xanh; ưu tiên, ưu đãi, hỗ trợ cho doanh nghiệp sẽ góp phần quan trọng trong việc thúc đẩy doanh nghiệp phát triển, từ đó tạo công ăn, việc làm cho người dân, góp phần xóa đói, giảm nghèo. Ngoài việc nâng cao đời sống nhân dân, các chính sách nêu trên còn góp phần xây dựng lối sống thân thiện với môi trường, giúp cho môi trường ngày càng trong, sạch góp phần nâng cao sức khỏe của người dân.

b) Tác động xã hội

Do các chính sách nêu trên có tác động nhiều tới kinh tế, đời sống, công ăn, việc làm của người dân; góp phần tạo công ăn, việc làm; góp phần phát triển bình đẳng giới; tăng trưởng bền vững, chống biến đổi khí hậu... nên các chính sách này nếu được thực thi sẽ có rất nhiều tác động tích cực tới xã hội, người dân và doanh nghiệp.

c) Tác động về giới

Chính sách ưu tiên, ưu đãi cho hàng hóa, dịch vụ được sản xuất, cung cấp bởi các nhóm yếu thế trong xã hội sẽ có tác động tích cực trong việc tạo công ăn, việc làm cho phụ nữ, góp phần quan trọng trong việc thực hiện các chính sách về bình đẳng giới tại Việt Nam.

d) Tác động về thủ tục hành chính

Chính sách này không làm phát sinh thủ tục hành chính.

đ) Tác động tới hệ thống pháp luật

- Bộ máy nhà nước: Chính sách này không có tác động làm thay đổi bộ máy nhà nước.

- Các điều kiện bảo đảm thi hành: Chính sách này không có tác động tới các điều kiện cần thiết để bảo đảm việc thi hành.

- Phù hợp hệ thống pháp luật: Chính sách này phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành.

- Thực hiện giải pháp này phải tiến hành sửa đổi, bổ sung Luật Đấu thầu. Phát sinh chi phí sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật theo định mức kinh phí xây dựng văn bản quy định tại Điều 5 Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

5. Chính sách 5: Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về đấu thầu; phòng chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí trong hoạt động đấu thầu

5.1. Xác định vấn đề bất cập

a) Việc phân cấp triệt để trong đấu thầu trong thời gian qua đã góp phần rút ngắn thời gian trong mua sắm, đồng thời tạo sự chủ động và linh hoạt cho người có thẩm quyền phê duyệt quyết định chỉ thẩm định khi cần thiết. Tuy nhiên, phân cấp mạnh phải gắn với trách nhiệm giải trình để không tạo thành vòng tròn khép kín trong mua sắm và người có thẩm quyền phê duyệt phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định của mình. Việc bổ sung quy định về xem xét hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu của cơ quan quản lý về đấu thầu ở các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp trước khi bên mời thầu phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu sẽ vẫn bảo đảm trách nhiệm của chủ đầu tư, bên mời thầu, đồng thời nâng cao vai trò của các cơ quan quản lý trong việc bảo đảm sự công khai, minh bạch trong đấu thầu, góp phần nâng cao hiệu quả của công tác đấu thầu, tránh tình trạng đấu thầu nhưng thực tế là chỉ định thầu do các nội dung “cài cắm” trong hồ sơ mời thầu.

b) Về xử lý vi phạm, thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán trong đấu thầu: Thực tế trong thời gian qua, hiệu quả mà hoạt động thanh, kiểm tra mang lại chưa cao, ở nhiều địa phương, việc phát hiện và xử lý sai phạm trong công tác đấu thầu vẫn còn chưa triệt để. Công tác hậu thanh tra, kiểm tra cũng chưa thực sự được quan tâm, dẫn tới việc thanh tra, kiểm tra xong các tồn tại vi phạm không được giải quyết triệt để và vẫn tiếp tục tái diễn. Bên cạnh việc tăng cường phân cấp, ủy quyền đã tạo sự chủ động, linh hoạt trong đấu thầu nhưng các cơ quan có thẩm quyền cũng cần tiến hành kiểm tra, thanh tra thường xuyên để đảm bảo việc thực hiện tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, đảm bảo đạt được mục tiêu thực hiện dự án, sớm ngăn chặn, phát hiện và có biện pháp xử lý kịp thời đối với các hành vi vi phạm góp phần chấn chỉnh và chuẩn hóa hoạt động đấu thầu tại bộ ngành, địa phương, doanh nghiệp.

Việc bổ sung quy định về xử lý vi phạm, thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn và đẩy lùi các hành vi vi phạm trong đấu thầu, góp phần thực hiện tốt công tác phòng chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí.

c) Về giải quyết kiến nghị và tranh chấp trong đấu thầu

- Việc giải quyết kiến nghị theo quy định tại Luật Đấu thầu thuộc trách nhiệm của chủ đầu tư, người có thẩm quyền. Do tính độc lập giữa cơ quan giải quyết kiến nghị (người có thẩm quyền) và cơ quan bị kiến nghị (chủ đầu tư, bên mời thầu) không cao nên trong một số trường hợp, việc quyết định giải quyết kiến nghị của nhà thầu chưa được chính xác, thấu đáo. Do đó cần sửa đổi, bổ sung quy định về giải quyết kiến nghị nhằm đưa ra được quy trình rõ ràng, nâng cao tính độc lập, tự chịu trách nhiệm của cơ quan giải quyết kiến nghị.

- Việc bổ sung quy định về sử dụng trọng tài để hòa giải các tranh chấp trong quá trình thực hiện hợp đồng là phù hợp với thông lệ quốc tế, hạn chế việc kiện tụng ra tòa án của các bên tham gia hợp đồng, góp phần nâng cao hiệu quả, tiến độ thực hiện dự án, gói thầu.

5.2. Đề xuất biện pháp giải quyết

a) Về phân cấp trong hoạt động đấu thầu

* Phương án 1: Giữ nguyên quy định hiện nay. Phương án này có ưu điểm là giữ sự ổn định của văn bản pháp lý. Tuy nhiên, do Luật Đấu thầu đã phân cấp triệt để cho chủ đầu tư trong việc phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kết quả lựa chọn nhà thầu nên dễ dẫn đến khép kín trong đấu thầu, làm ảnh hưởng đến tính minh bạch, cạnh tranh trong đấu thầu.

* Phương án 2:

Sửa đổi, bổ sung quy định tại các Điều 37, 38 Luật Đấu thầu theo hướng bỏ các bước thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, phê duyệt danh sách xếp hạng nhà thầu. Thay vào đó, cần bổ sung trách nhiệm xem xét hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu của cơ quan quản lý về đấu thầu ở các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp trong một khoảng thời gian nhất định trước khi bên mời thầu phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu. Việc xem xét nội dung hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu của cơ quan quản lý về đấu thầu và phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu của chủ đầu tư sẽ thực hiện trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia để nhằm tiết kiệm thời gian và bảo đảm tính công khai, minh bạch.

b) Về trách nhiệm giải trình, thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán trong đấu thầu, chế tài xử lý vi phạm đối với các bên liên quan trong hoạt động đấu thầu

* Phương án 1: Giữ nguyên quy định hiện nay. Phương án này có ưu điểm là giữ sự ổn định của văn bản pháp lý. Tuy nhiên, không bảo đảm được trách nhiệm giải trình của các bên tham gia trực tiếp vào quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư tương ứng với quyền được giao; không góp phần kịp thời phát hiện, ngăn chặn và đẩy lùi các hành vi vi phạm trong đấu thầu.

* Phương án 2:

Sửa đổi, bổ sung các quy định về trách nhiệm giải trình, thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán trong đấu thầu, chế tài xử lý vi phạm đối với các bên liên quan trong hoạt động đấu thầu theo hướng:

- Bổ sung các quy định cụ thể về trách nhiệm giải trình của các bên tham gia trực tiếp vào quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư tương ứng với quyền được giao.

- Bổ sung quy định về thanh tra, kiểm tra, giám sát, kiểm toán các hoạt động đấu thầu theo hướng cụ thể hơn, chặt chẽ hơn, đặc biệt cần bổ sung quy trình kiểm tra, giám sát cụ thể và các quy định về hậu thanh tra, kiểm tra, giám sát nhằm kịp thời phát hiện, ngăn chặn và đẩy lùi các hành vi vi phạm trong đấu thầu, góp phần thực hiện tốt công tác phòng chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí.

- Bổ sung chế tài xử lý vi phạm đối với người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu.

c) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác giải quyết kiến nghị và tranh chấp trong đấu thầu

* Phương án 1: Giữ nguyên quy định hiện nay. Phương án này có ưu điểm là giữ sự ổn định của văn bản pháp lý. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp không bảo đảm được tính độc lập và hiệu quả của việc giải quyết kiến nghị trong đấu thầu.

* Phương án 2:

Sửa đổi, bổ sung quy định tại các Điều 91, 92, 93, 94 Luật Đấu thầu theo hướng nâng cao tính độc lập của cơ quan giải quyết kiến nghị đối với các bên tham gia kiến nghị, đơn giản hóa hơn nữa quy trình, thủ tục giải quyết kiến nghị, tranh chấp trong đấu thầu; bổ sung quy định về cơ chế sử dụng trọng tài để giải quyết các tranh chấp trong quá trình thực hiện hợp đồng.

5.3. Đánh giá tác động của các biện pháp

a) Tác động kinh tế

- Đối với Nhà nước và doanh nghiệp (nhà thầu): giúp Nhà nước hạn chế được thất thoát, lãng phí do kiểm soát tốt tình trạng tiêu cực, tham nhũng, lãng

phí. Giúp doanh nghiệp tiết kiệm được các chi phí không chính thức trong quá trình tham dự thầu

- Đối với người dân: Chính sách tăng cường hiệu lực, hiệu quả trong việc thực thi pháp luật về đấu thầu sẽ giúp nâng cao hiệu quả thực hiện công tác đấu thầu, từ đó nâng cao hiệu quả sử dụng các công trình, dịch vụ, góp phần tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân.

b) Tác động xã hội

- Nhà nước: Góp phần quản lý chặt chẽ, có hiệu quả hơn đối với các hoạt động mua sắm sử dụng vốn nhà nước, vốn của doanh nghiệp nhà nước từ đó làm giảm các bức xúc, dư luận không tốt của xã hội đối với các trường hợp vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Người dân: Chính sách tăng cường hiệu lực, hiệu quả trong việc thực thi pháp luật về đấu thầu; góp phần phòng, chống tiêu cực, tham nhũng, lãng phí, từ đó nâng cao niềm tin của người dân đối với bộ máy Nhà nước, góp phần làm ổn định xã hội.

c) Tác động về giới

Chính sách không ảnh hưởng đến cơ hội, điều kiện, năng lực thực hiện và thụ hưởng các quyền, lợi ích của mỗi giới do chính sách được áp dụng chung, không mang tính phân biệt.

d) Tác động về thủ tục hành chính

Chính sách này không phát sinh thủ tục hành chính.

đ) Tác động tới hệ thống pháp luật

- Bộ máy nhà nước: Chính sách này không có tác động làm thay đổi bộ máy nhà nước.

- Các điều kiện bảo đảm thi hành: Chính sách này không có tác động tới các điều kiện cần thiết để bảo đảm việc thi hành.

- Phù hợp hệ thống pháp luật: Chính sách này phù hợp với hệ thống pháp luật hiện hành.

- Thực hiện giải pháp này phải tiến hành sửa đổi, bổ sung Luật Đấu thầu. Phát sinh chi phí sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật theo định mức kinh phí xây dựng văn bản quy định tại Điều 5 Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

III. Lấy ý kiến trong quá trình thực hiện báo cáo đánh giá tác động

Trong quá trình xây dựng Báo cáo đánh giá tác động của Luật Đấu thầu, Bộ KH&ĐT đã có văn bản số 788/BKH-QLĐT ngày 09/02/2021 đề nghị các Bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp thực hiện tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Luật Đấu thầu để Bộ KH&ĐT làm cơ sở xây dựng Báo cáo đánh giá tác động của chính sách.

IV. Kết luận

Quá trình nghiên cứu, tổng hợp, tham vấn kinh nghiệm lập Báo cáo đánh giá tác động cho thấy việc sửa đổi toàn diện Luật Đấu thầu là phương án cần thiết để đạt được các mục tiêu: thống nhất quản lý việc chi tiêu sử dụng vốn nhà nước; thúc đẩy sản xuất trong nước; phát triển bền vững; tăng cường cạnh tranh; đảm bảo công khai, minh bạch, công bằng và hiệu quả kinh tế trong đấu thầu; phù hợp với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế và đơn giản hóa thủ tục hành chính trong đấu thầu theo chủ trương của Đảng và Nhà nước./.

ĐỀ CƯƠNG
LUẬT ĐẦU THẦU (SỬA ĐỔI)

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-BKHĐT ngày...tháng...năm 2021
của Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

Dự thảo
ngày
09/12/2021

LUẬT
ĐẦU THẦU

*Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Quốc hội ban hành Luật Đầu thầu.*

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều ... Phạm vi điều chỉnh

Điều này quy định về:

1. Quản lý nhà nước về đầu thầu;
2. Trách nhiệm của các bên có liên quan trong hoạt động lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư;
3. Hoạt động mua sắm hàng hóa, dịch vụ, xây lắp; thực hiện dự án đầu tư phát triển của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; hoạt động mua sắm có sử dụng vốn nhà nước, vốn của doanh nghiệp nhà nước;
4. Hoạt động lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất; lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có từ hai nhà đầu tư trở lên quan tâm; lựa chọn nhà đầu tư thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức xã hội hóa.

Điều ... Đối tượng áp dụng

Điều này quy định về các đối tượng phải áp dụng Luật và nguyên tắc áp dụng đối với các đối tượng không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật nhưng lựa chọn áp dụng Luật.

Điều ... Áp dụng Luật đầu thầu, điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế

Điều này quy định về nguyên tắc áp dụng quy định giữa Luật Đầu thầu, điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế.

Điều ... Giải thích từ ngữ

Điều này quy định các thuật ngữ được sử dụng trong Luật

Điều ... Tư cách hợp lệ của nhà thầu, nhà đầu tư

Điều này quy định các điều kiện để nhà thầu, nhà đầu tư được đánh giá là hợp lệ khi tham dự thầu

Điều ... Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu

Điều này quy định tính độc lập về pháp lý và tài chính giữa các chủ thể tham gia trực tiếp vào việc tham dự thầu, thực hiện hợp đồng như cơ quan nhà nước có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu, nhà thầu, nhà đầu tư tham dự thầu, nhà thầu tư vấn cho gói thầu, dự án...

Điều ... Điều kiện phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu

Điều này quy định về các điều kiện để bên mời thầu được phát hành hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu

Điều ... Thông tin về đấu thầu

Điều này quy định về các thông tin phải đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo Đấu thầu. Trách nhiệm của cơ quan quản lý, vận hành Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo Đấu thầu trong việc đăng tải, công khai các thông tin trong đấu thầu

Điều ... Ngôn ngữ sử dụng trong đấu thầu

Ngôn ngữ sử dụng trong đấu thầu là tiếng Việt đối với đấu thầu trong nước; là tiếng Anh hoặc tiếng Việt và tiếng Anh đối với đấu thầu quốc tế.

Điều ... Đồng tiền dự thầu

Điều này quy định về đồng tiền tham dự thầu, đồng tiền trúng thầu và đồng tiền ký kết hợp đồng đối với đấu thầu trong nước và đấu thầu quốc tế

Điều ... Bảo lãnh dự thầu

Điều này quy định về các hình thức thực hiện bảo lãnh dự thầu; giá trị, thời hạn của bảo lãnh dự thầu; các trường hợp không được hoàn trả bảo lãnh dự thầu.

Điều ... Thời gian trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư

Điều này quy định về các khoảng thời gian cho từng chủ thể trong quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư như thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; thời gian đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; thời gian thẩm định, phê duyệt....

Điều ... Chi phí trong đấu thầu

Điều này quy định về chi phí và quản lý, sử dụng các khoản chi phí trong

quá trình lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư như chi phí bán hồ sơ mời thầu, chi phí tổ chức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư...; quản lý, sử dụng các khoản thu từ việc bán hồ sơ mời thầu, tịch thu bảo lãnh dự thầu....

Điều ... Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư

Điều này quy định về các đối tượng được hưởng ưu đãi và mức ưu đãi khi tham dự thầu. Trong đó gồm ưu đãi cho doanh nghiệp cấp nhỏ, siêu nhỏ; ưu đãi cho doanh nghiệp thuộc nhóm yếu thế (doanh nghiệp có nhiều lao động là phụ nữ, thương binh, người khuyết tật); ưu đãi cho hàng hóa sản xuất trong nước; ưu đãi cho nhà đầu tư đề xuất dự án...

Điều ... Đấu thầu quốc tế

Điều này quy định về các điều kiện, trường hợp được phép tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư quốc tế.

Điều ... Điều kiện đối với cá nhân tham gia hoạt động đấu thầu

Điều này quy định về điều kiện, năng lực, kinh nghiệm của các cá nhân tham gia trực tiếp vào hoạt động lựa chọn nhà thầu.

Điều ... Các trường hợp hủy thầu và trách nhiệm khi hủy thầu

Điều này quy định về các trường hợp được hủy thầu và trách nhiệm của các bên liên quan khi hủy thầu

Điều ... Đào tạo, bồi dưỡng về đấu thầu

Điều này quy định về nội dung, khung chương trình đào tạo, bồi dưỡng về đấu thầu; thi sát hạch và cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động đấu thầu

CHƯƠNG II

HÌNH THỨC, PHƯƠNG THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU, NHÀ ĐẦU TƯ

Mục 1

HÌNH THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU, NHÀ ĐẦU TƯ

Điều ... Đấu thầu rộng rãi

Đấu thầu rộng rãi là hình thức lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trong đó không hạn chế số lượng nhà thầu, nhà đầu tư tham dự.

Điều ... Đấu thầu hạn chế

Đấu thầu hạn chế được áp dụng trong trường hợp gói thầu, dự án có yêu cầu cao về kỹ thuật hoặc kỹ thuật có tính đặc thù mà chỉ có một số nhà thầu, nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu của gói thầu, dự án.

Điều ... Chỉ định thầu

Điều này quy định về các trường hợp áp dụng chỉ định thầu, chỉ định nhà đầu tư và các điều kiện áp dụng chỉ định thầu, chỉ định nhà đầu tư.9

Điều ... Chào hàng cạnh tranh

Điều này quy định về điều kiện áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh.

Điều ... Mua sắm trực tiếp

Điều này quy định về điều kiện áp dụng hình thức mua sắm trực tiếp.

Điều ... Tự thực hiện

Điều này quy định về điều kiện áp dụng hình thức tự thực hiện.

Điều ... Lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trong trường hợp đặc biệt, cấp bách, phòng chống dịch bệnh

Điều này quy định về hình thức lựa chọn nhà thầu áp dụng trong điều kiện đặc biệt, cấp bách, phục vụ phòng chống bệnh dịch...

Điều ... Tham gia thực hiện của cộng đồng

Điều này quy định các trường hợp giao cho cộng đồng dân cư, tổ, nhóm thợ thực hiện các công trình trên địa bàn của cộng đồng dân cư, tổ, nhóm thợ sinh sống và hưởng lợi trực tiếp từ các công trình đó.

Mục 2**PHƯƠNG THỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU, NHÀ ĐẦU TƯ****Điều ... Phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ**

Điều này quy định về các trường hợp áp dụng phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ và quy trình thực hiện tổng quát của phương thức này.

Điều ... Phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ

Điều này quy định về các trường hợp áp dụng phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ và quy trình thực hiện tổng quát của phương thức này.

Điều ... Phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ

Điều này quy định về các trường hợp áp dụng phương thức hai giai đoạn một túi hồ sơ và quy trình thực hiện tổng quát của phương thức này.

Điều ... Phương thức hai giai đoạn hai túi hồ sơ

Điều này quy định về các trường hợp áp dụng phương thức hai giai đoạn hai túi hồ sơ và quy trình thực hiện tổng quát của phương thức này.

CHƯƠNG III

CHIẾN LƯỢC ĐẤU THẦU CHO DỰ ÁN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN, KẾ HOẠCH TỔ CHỨC LỰA CHỌN NHÀ THẦU VÀ QUY TRÌNH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Điều... Chiến lược đấu thầu cho dự án đầu tư phát triển

Điều này quy định về các nguyên tắc lập chiến lược đấu thầu cho các dự án đầu tư phát triển, trong đó bao gồm các phương thức, hình thức lựa chọn nhà thầu dự kiến sẽ thực hiện; nguyên tắc phân tích, xác định các rủi ro, chi phí và các trường hợp phức tạp phát sinh trong quá trình thực hiện dự án để đề xuất xây dựng kế hoạch thực hiện, kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho dự án

Điều ... Căn cứ, nguyên tắc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Điều này quy định về căn cứ, nguyên tắc phân chia gói thầu, nguyên tắc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho từng gói thầu

Điều ... Nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với từng gói thầu

Điều này quy định nội dung cụ thể của kế hoạch lựa chọn nhà thầu cho từng gói thầu như: tên gói thầu, giá gói thầu, hình thức lựa chọn nhà thầu, phương thức lựa chọn nhà thầu, loại hợp đồng, thời gian thực hiện hợp đồng, nguồn vốn, thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu và các nội dung khác.

Điều ... Trình duyệt, thẩm định và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Điều này quy định về trách nhiệm trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và các nội dung, tài liệu chủ yếu trong hồ sơ trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Nguyên tắc thẩm định, nội dung của báo cáo thẩm định và quy định về phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Điều ... Quy trình lựa chọn nhà thầu

Điều này quy định về quy trình tổng quát thực hiện lựa chọn nhà thầu tương ứng với từng hình thức, phương thức lựa chọn nhà thầu.

CHƯƠNG IV

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ VÀ QUY TRÌNH LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

Mục 1

DANH MỤC DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Điều.... Danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất

Điều này quy định về thủ tục lập, phê duyệt, công bố danh mục dự án đầu tư có sử dụng đất, lồng ghép tương ứng với thủ tục đầu tư theo pháp luật về đầu tư.

Điều ... Danh mục dự án phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật về xã hội hóa

Điều này quy định về lập, công bố danh mục dự án phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật chuyên ngành, pháp luật về xã hội hóa, lồng ghép tương ứng với thủ tục đầu tư theo pháp luật về đầu tư.

Điều ... Chuẩn bị, nộp và đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư

Điều này quy định về: Nhà đầu tư chuẩn bị, nộp hồ sơ đăng ký thực hiện dự án; Đánh giá sơ bộ năng lực, kinh nghiệm của nhà đầu tư, công bố danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu, làm cơ sở để xác định hình thức lựa chọn nhà đầu tư (đấu giá theo pháp luật đất đai, đấu thầu rộng rãi theo quy định tại Luật này).

Mục 2 QUY TRÌNH LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ

Điều ... Quy trình lựa chọn nhà đầu tư

Điều này quy định về quy trình lựa chọn nhà đầu tư tương ứng với từng nhóm dự án đầu tư kinh doanh. Trong đó quy định về nguyên tắc áp dụng pháp luật về đấu thầu trường hợp dự án có từ 02 nhà đầu tư trở lên quan tâm.

Điều ... Trình, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu

Điều này quy định về trình tự thực hiện trình, thẩm định, phê duyệt hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu.

Điều .. Trình, thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư

Điều này quy định về trình tự thực hiện trình, thẩm định, phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

CHƯƠNG V PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ DỰ THẦU, HỒ SƠ ĐỀ XUẤT VÀ XÉT DUYỆT TRÚNG THẦU

Mục 1

Đối với lựa chọn nhà thầu

Điều ... Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp

Điều này quy định về các phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp

như phương pháp giá thấp nhất, phương pháp giá đánh giá, phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá và điều kiện áp dụng của từng phương pháp đánh giá.

Điều ... Phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn

Điều này quy định về các phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn như phương pháp giá cố định, phương pháp giá dựa trên kỹ thuật, phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá và điều kiện áp dụng của từng phương pháp đánh giá.

Điều ... Phương pháp đánh giá hồ sơ đề xuất

Điều này quy định về phương pháp đánh giá hồ sơ đề xuất đối với gói thầu áp dụng hình thức chỉ định thầu, chào hàng cạnh tranh.

Điều ... Xét duyệt trúng thầu đối với đấu thầu cung cấp dịch vụ tư vấn

Điều này quy định về các điều kiện xét duyệt trúng thầu đối với gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn và công khai lý do không trúng thầu của các nhà thầu không được lựa chọn.

Điều ... Xét duyệt trúng thầu đối với đấu thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp

Điều này quy định về các điều kiện xét duyệt trúng thầu đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp và công khai lý do không trúng thầu của các nhà thầu không được lựa chọn.

Mục 2

Đối với lựa chọn nhà đầu tư

Điều ... Phương pháp và tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất

Điều này quy định về: (i) phương pháp đánh giá hồ sơ dự thầu gồm phương pháp lợi ích xã hội, lợi ích nhà nước và phương pháp đánh giá khác, tương ứng với từng nhóm dự án đầu tư kinh doanh: dự án có sử dụng đất; dự án phải đấu thầu theo pháp luật chuyên ngành, xã hội hóa; dự án có từ hai nhà đầu tư quan tâm trở lên; (ii) Tiêu chuẩn đánh giá hồ sơ dự thầu bao gồm: tiêu chuẩn đánh giá về năng lực, kinh nghiệm; tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật; tiêu chuẩn đánh giá về tài chính.

Điều ... Xét duyệt trúng thầu trong lựa chọn nhà đầu tư

Điều này quy định về các điều kiện nhà đầu tư được lựa chọn phải đáp

ứng khi xét duyệt trúng thầu: Có hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ đề xuất hợp lệ; Đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm; Đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật; Đáp ứng yêu cầu về tài chính; Dự án đạt hiệu quả cao nhất.

CHƯƠNG VI

MUA SẮM TẬP TRUNG, MUA SẮM THƯỜNG XUYÊN, MUA THUỐC, VẬT TƯ Y TẾ; CUNG CẤP SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG

Mục 1

MUA SẮM TẬP TRUNG

Điều ... Quy định chung về mua sắm tập trung

Điều này quy định về:

- Các hình thức lựa chọn nhà thầu được phép áp dụng khi mua sắm tập trung và các trường hợp áp dụng mua sắm tập trung;
- Trách nhiệm của đơn vị mua sắm tập trung trong việc tổng hợp nhu cầu, tổ chức lựa chọn nhà thầu;

Điều ... Thỏa thuận khung

Điều này quy định về các nội dung và thời hạn có hiệu lực của thỏa thuận khung trong mua sắm tập trung

Mục 2

MUA SẮM THƯỜNG XUYÊN

Điều ... Điều kiện áp dụng

Điều này quy định về các điều kiện khi áp dụng mua sắm thường xuyên; các hình thức lựa chọn nhà thầu trong mua sắm thường xuyên

Điều ... Tổ chức lựa chọn nhà thầu

Điều này quy định về quy trình tổ chức lựa chọn nhà thầu trong mua sắm thường xuyên, trong đó có dẫn chiếu đến quy trình tổ chức lựa chọn nhà thầu quy định ở các Mục trên.

Mục 3

MUA THUỐC, VẬT TƯ Y TẾ

Điều ... Lựa chọn nhà thầu cung cấp thuốc, vật tư y tế

Điều này quy định về các hình thức lựa chọn nhà thầu và điều kiện xét

duyệt trúng thầu đối với nhà thầu cung cấp thuốc, vật tư y tế.

Điều ... Mua thuốc tập trung

Điều này quy định về trách nhiệm ban hành danh mục thuốc thực hiện mua sắm tập trung cấp địa phương và cấp quốc gia; quy định về thỏa thuận khung và quy trình tổ chức thực hiện mua sắm tập trung.

Điều ... Ưu đãi trong mua thuốc

Điều này quy định về đối tượng được hưởng ưu đãi và cách xác định ưu đãi đối với đấu thầu thuốc.

Điều ... Trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước trong đấu thầu thuốc, vật tư y tế

Điều này quy định trách nhiệm của Bộ Y tế, Chủ tịch ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan liên quan trong quản lý nhà nước về đấu thầu thuốc, vật tư y tế.

Điều ... Thanh toán chi phí mua thuốc, vật tư y tế

Điều này quy định nguyên tắc thanh toán từ nguồn quỹ bảo hiểm y tế đối với các cơ sở y tế ngoài công lập khi các cơ sở này mua thuốc để khám chữa bệnh cho các cá nhân có thẻ bảo hiểm y tế.

Mục 4

CUNG CẤP SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CÔNG

Điều ... Hình thức lựa chọn nhà thầu

Điều này quy định về các hình thức lựa chọn nhà thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công

Điều ... Quy trình lựa chọn nhà thầu

Điều này quy định về quy trình lựa chọn nhà thầu cung cấp sản phẩm dịch vụ công tương ứng với từng hình thức lựa chọn nhà thầu.

CHƯƠNG VII

MUA SẮM ĐỐI VỚI HÀNG HÓA LẦN ĐẦU ĐƯỢC SẢN XUẤT TRONG NƯỚC; MUA SẮM XANH; MUA SẮM ĐỐI VỚI SẢN PHẨM ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Mục 1

MUA SẮM ĐỐI VỚI HÀNG HÓA LẦN ĐẦU ĐƯỢC SẢN XUẤT TRONG NƯỚC

Điều ... Công bố danh mục hàng hóa lần đầu sản xuất trong nước

Điều này quy định về trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc đề nghị công bố tên hàng hóa, công bố tiêu chuẩn, quy chuẩn chất lượng của hàng

hóa; năng lực sản xuất hàng hóa của nhà sản xuất; trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc thẩm định, công bố danh sách hàng hóa lần đầu được sản xuất trong nước có thể thay thế hàng nhập khẩu.

Điều Mua sắm đối với hàng hóa lần đầu sản xuất trong nước

Điều này quy định về các cơ chế mua sắm đối với hàng hóa lần đầu sản xuất trong nước có thể thay thế hàng nhập khẩu (quy định về năng lực, kinh nghiệm đối với nhà thầu và các điều kiện đặc thù riêng biệt khác về kỹ thuật, chất lượng, giá cả...)

Quy định về nguyên tắc mua sắm theo hướng phải bảo đảm dùng hết hàng hóa trong nước sản xuất mới được phép sử dụng hàng nhập khẩu.

Mục 2

MUA SẮM XANH

Điều Quy định về tiêu chí xanh, phát triển bền vững

Điều này quy định nguyên tắc xác định các tiêu chí về kỹ thuật, nguồn gốc của hàng hóa, vật tư, vật liệu để xác định hàng hóa, vật tư, vật liệu đáp ứng tiêu chí về tiết kiệm năng lượng, phát thải khí nhà kính, nguồn gốc khai thác... (tiêu chí xanh).

Điều Quy định về mua sắm xanh trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu

Điều này quy định các tiêu chí đánh giá trong hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu đối với các hàng hóa được dẫn nhãn năng lượng, tiết kiệm nhiên liệu, ít phát thải khí nhà kính....; vật tư, vật liệu được khai thác theo đúng quy định, quy hoạch...(tiêu chí xanh). Những hàng hóa, vật tư, vật liệu không đáp ứng tiêu chí xanh sẽ không được xem xét, đánh giá.

MỤC 3

MUA SẮM ĐỐI VỚI SẢN PHẨM ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Điều ... Công bố danh mục sản phẩm đổi mới sáng tạo

Điều này quy định về trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc đề nghị công bố sản phẩm đổi mới sáng tạo; trách nhiệm của cơ quan nhà nước trong việc thẩm định, công bố danh sách sản phẩm đổi mới sáng tạo.

Điều Mua sắm đối với sản phẩm đổi mới sáng tạo

Quy định về các chính sách hỗ trợ phát triển sản phẩm đổi mới sáng tạo, cơ chế mua sắm đối với sản phẩm đổi mới sáng tạo như: các yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm, thử nghiệm...;

Điều Quy trình mua sắm đối với sản phẩm đổi mới sáng tạo

Điều này quy định về quy trình lựa chọn nhà thầu cung cấp các sản

phẩm đổi mới, sáng tạo; các điều kiện về hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn.

CHƯƠNG VIII

HỆ THỐNG MẠNG ĐẤU THẦU QUỐC GIA

Điều ... Yêu cầu đối với hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

Điều này quy định về các yêu cầu đối với Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia như: các yêu cầu về khả năng công khai thông tin, yêu cầu về tính đáp ứng của Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia khi triển khai đấu thầu qua mạng; yêu cầu nguyên tắc về việc thực hiện các chức năng của các phân hệ thuộc Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Điều Các phân hệ của Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

Điều này quy về các chức năng của từng phân hệ của Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Điều Cơ sở dữ liệu về nhà thầu, nhà đầu tư

Điều này quy định việc quản lý, sử dụng cơ sở dữ liệu về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu, nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; trách nhiệm cung cấp, quản lý, sử dụng và công khai thông tin trên Hệ thống.

CHƯƠNG IX

HỢP ĐỒNG

Mục 1

HỢP ĐỒNG VỚI NHÀ THẦU

Điều Loại hợp đồng

Điều này quy định về các loại hợp đồng và điều kiện áp dụng của từng loại hợp đồng

Điều Hồ sơ hợp đồng

Điều này quy định về thành phần của hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên của từng tài liệu trong hồ sơ hợp đồng

Điều Điều kiện ký kết hợp đồng

Điều này quy định về các điều kiện ký kết hợp đồng

Điều... Mẫu hợp đồng

Điều này quy định về trách nhiệm ban hành và nội dung cơ bản của các Mẫu hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu kèm theo Mẫu hợp đồng gắn với các điều kiện mời thầu

Điều Tạm ứng, thanh toán, quyết toán, thanh lý hợp đồng

Điều này quy định về nội dung và các điều kiện để thực hiện tạm ứng, thanh toán, quyết toán, thanh lý hợp đồng

Điều Bảo đảm thực hiện hợp đồng

Điều này quy định về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng; các trường hợp không hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu

Điều Nguyên tắc điều chỉnh, xử lý vi phạm và chấm dứt hợp đồng

Điều này quy định về các nguyên tắc quản lý và điều chỉnh, xử lý vi phạm và chấm dứt hợp đồng

Mục 2**HỢP ĐỒNG VỚI NHÀ ĐẦU TƯ****Điều Ký kết hợp đồng dự án**

Điều này quy định về căn cứ, điều kiện để ký kết hợp đồng dự án và trình tự liên quan

Điều Nội dung hợp đồng dự án

Điều này quy định về nội dung hợp đồng dự án, trong đó xem xét đến nội dung riêng biệt đối với từng nhóm dự án đầu tư kinh doanh. Quy định về nội dung giao đất, cho thuê đất đối với dự án có sử dụng đất.

Điều Thời hạn hợp đồng dự án

Điều này quy định về thời hạn hợp đồng dự án, trong đó xem xét đến nội dung riêng biệt đối với từng nhóm dự án đầu tư kinh doanh và quy định về trường hợp chấm dứt hợp đồng

Điều Bảo đảm thực hiện hợp đồng dự án

Điều này quy định về giá trị, cách thức nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng

Điều Công khai thông tin hợp đồng dự án

Điều này quy định việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm đăng tải một số thông tin cơ bản của hợp đồng dự án lên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, trang thông tin của ngành hoặc địa phương hoặc các phương tiện thông tin đại chúng khác

Điều Sửa đổi, bổ sung hợp đồng dự án

Điều này quy định về các trường hợp được phép sửa đổi, bổ sung hợp đồng và trình tự thực hiện

Điều Chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng dự án

Điều này quy định về trường hợp nhà đầu tư được phép chuyển nhượng quyền và nghĩa vụ, thời điểm được phép chuyển và cách thức thực hiện, phù hợp với quy định của pháp luật về đầu tư.

CHƯƠNG X

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

TRONG LỰA CHỌN NHÀ THẦU, NHÀ ĐẦU TƯ

Điều ... Trách nhiệm của người có thẩm quyền, cơ quan nhà nước có thẩm quyền

Điều này quy định về trách nhiệm và quyền hạn của người có thẩm quyền, cơ quan nhà nước có thẩm quyền bao gồm cả trách nhiệm khi tham gia vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

Điều Trách nhiệm của chủ đầu tư

Điều này quy định về trách nhiệm và quyền hạn của chủ đầu tư, bao gồm cả trách nhiệm khi tham gia vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

Điều Trách nhiệm của bên mời thầu

Điều này quy định về trách nhiệm và quyền hạn của bên mời thầu, bao gồm cả trách nhiệm khi tham gia vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

Điều Trách nhiệm của tổ chuyên gia

Điều này quy định về trách nhiệm và quyền hạn của tổ chuyên gia, bao gồm cả trách nhiệm khi tham gia vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

Điều Trách nhiệm của nhà thầu, nhà đầu tư

Điều này quy định về trách nhiệm và quyền hạn của nhà thầu, nhà đầu tư, bao gồm cả trách nhiệm khi tham gia vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

Điều Trách nhiệm của tổ chức thẩm định

Điều này quy định về trách nhiệm và quyền hạn của tổ chức thẩm định, bao gồm cả trách nhiệm khi tham gia vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

Điều Trách nhiệm của người có thẩm quyền, chủ đầu tư, bên mời thầu, tổ chuyên gia, đơn vị thẩm định khi tham gia hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

Điều này quy định các trách nhiệm và quyền hạn của người có thẩm quyền chủ đầu tư, bên mời thầu, tổ chuyên gia, đơn vị thẩm định khi tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

Điều Trách nhiệm của nhà thầu, nhà đầu tư tham gia hệ thống

mạng đấu thầu quốc gia

Điều này quy định các trách nhiệm và quyền hạn của nhà thầu, nhà đầu tư khi tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

CHƯƠNG XI

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HOẠT ĐỘNG ĐẤU THẦU

Điều Nội dung quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu

Điều này quy định về các nội dung quản lý nhà nước về hoạt động đấu thầu

Điều Trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

Điều này quy định về trách nhiệm của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong công tác quản lý nhà nước về đấu thầu

Điều Trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Điều này quy định về trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về đấu thầu

Điều Trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các cấp

Điều này quy định trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các cấp trong việc quản lý công tác đấu thầu thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan ngang bộ và Ủy ban nhân dân các cấp

Điều Trách nhiệm của tổ chức vận hành hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

Điều này quy định trách nhiệm của tổ chức vận hành hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

Điều Xử lý tình huống

Điều này quy định nguyên tắc, quy trình, thẩm quyền quyết định xử lý các tình huống phát sinh trong đấu thầu

Điều Thanh tra, kiểm tra và giám sát hoạt động đấu thầu

Điều này quy định về nguyên tắc, nội dung, quy trình, thẩm quyền trong việc thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động đấu thầu

Điều Khiếu nại, tố cáo

Điều này quy định về nguyên tắc giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình tổ chức lựa chọn nhà thầu

CHƯƠNG XII

HÀNH VI BỊ CẤM VÀ XỬ LÝ VI PHẠM VỀ ĐẦU THẦU

Điều Các hành vi bị cấm trong đấu thầu

Điều này quy định về các hành vi bị cấm trong đấu thầu

Điều Xử lý vi phạm

Điều này quy định về chế tài xử lý vi phạm hành chính, cấm tham gia hoạt động đấu thầu đối với các tổ chức, cá nhân vi phạm các hành vi bị cấm trong đấu thầu

CHƯƠNG XIII

GIẢI QUYẾT KIẾN NGHỊ VÀ TRANH CHẤP TRONG ĐẦU THẦU

Mục 1

GIẢI QUYẾT KIẾN NGHỊ, HÒA GIẢI TRONG ĐẦU THẦU

Điều Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu

Điều này quy định về cơ quan chịu trách nhiệm quyết kiến nghị trong đấu thầu; các trường hợp được phép kiến nghị trong đấu thầu; nguyên tắc giải quyết kiến nghị.

Điều Quy trình giải quyết kiến nghị

Điều này quy định về quy trình giải quyết kiến nghị ở từng cấp (chủ đầu tư, người có thẩm quyền, hội đồng tư vấn giải quyết kiến nghị hoặc cơ quan giải quyết tranh chấp, kiến nghị độc lập)

Điều Hòa giải trong đấu thầu

Điều này quy định về quy trình, nguyên tắc hòa giải trong đấu thầu

Mục 2

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP TRONG ĐẦU THẦU TẠI TÒA ÁN

Điều Nguyên tắc giải quyết

Việc giải quyết tranh chấp trong đấu thầu tại Tòa án được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Điều Quyền yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời

Khi khởi kiện, các bên có quyền yêu cầu Tòa án tạm dừng ngay việc đóng thầu; phê duyệt danh sách ngân; phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư; ký kết hợp đồng; thực hiện hợp đồng và các biện pháp khẩn cấp tạm thời khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều Hiệu lực thi hành

Điều này quy định về hiệu lực thi hành và các điều khoản chuyển tiếp

Điều Quy định chi tiết

Chính phủ quy định chi tiết các điều, khoản được giao trong Luật.

Luật này đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2023

CHỦ TỊCH QUỐC HỘI

Vương Đình Huệ